

11 VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**DƯƠNG ANH TUẤN**

**TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM,  
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội, 2016**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**DƯƠNG ANH TUẤN**

**TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM,  
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
**PGS.TS. CAO THỊ OANH**

**Hà Nội, 2016**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN</b>	8
1.1. Khái quát lịch sử lập pháp Việt Nam về tội trộm cắp tài sản	8
1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự 1999 về tội trộm cắp tài sản	12
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b>	29
2.1. Khái quát về thực tiễn tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015	29
2.2. Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	31
2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	40
<b>CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN</b>	45
3.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội trộm cắp tài sản, những điểm mới và những vấn đề tranh luận	45
3.2. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự nước ta	53
3.3. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay về tội trộm cắp tài sản	56
3.4. Các giải pháp khác	63
<b>KẾT LUẬN</b>	76
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	78

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
NXB	Nhà xuất bản
VKS	Viện kiểm sát
TANDTC	Toà án nhân dân tối cao
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
BCA	Bộ Công an
THTT	Tiến hành tố tụng

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số liệu về số lượng các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015. ....	29
Bảng 2.2: Số liệu về vụ trộm cắp tài sản có sự tham gia của đồng phạm trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015. ....	30
Bảng 2.3: Tội danh do các cơ quan tiến hành tố tụng xác định đối với các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015. ....	40
Bảng 2.4: Cơ cấu về các khoản áp dụng trong định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo điều 138 BLHS tại Tòa án nhân dân huyện Thường Tín từ năm 2011 đến năm 2015. ....	43

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam hiện nay, tội trộm cắp tài sản là một trong những tội danh được quy định khá sớm trong các chế định luật hình sự Việt Nam. Các chế định này không phải chỉ được ra đời từ khi có các Bộ luật hình sự ở Việt Nam. Mà ngay từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các chế định về tội trộm cắp tài sản đã bước đầu được pháp luật quy định nhằm bảo vệ sở hữu của cá nhân và xã hội.

Trong những năm đầu, các chế định tội phạm nói chung và các chế định về tội trộm cắp tài sản ở nước ta chưa được quy định một cách khoa học thành các tội danh và tập trung trong 1 văn bản pháp luật như hiện nay mà các chế định đó được quy định rải rác trong các văn bản quy phạm khác nhau. Ví dụ, trong Sắc lệnh số 12-SL, ngày 12 tháng 3 năm 1948 chỉ quy định riêng về tội trộm cắp vật dụng nhà binh. Còn đối với các tội trộm cắp tài sản khác thì đạo luật không quy định mà chỉ viện dẫn: *Trong thời bình, tội ăn cắp, lấy trộm các đồ quân giới, quân trang, quân dụng nói tóm lại các vật dụng nhà binh, bị phạt theo điều khoản của hình luật chung* [15, Điều thứ nhất]. Nghĩa là thừa nhận những quy định của *hình luật chung* đã được ban hành trước đó mà không quy định trong Sắc lệnh 12-SL.

Tiếp đến giai đoạn sau này, khi pháp luật hình sự nước ta phát triển hơn một bước thì các chế định về tội phạm xâm phạm sở hữu đã được quy định riêng thành những đạo luật nhất định. Cụ thể năm 1970 nhà nước ta đã ban hành 02 Pháp lệnh là Pháp lệnh số: 149 – LTC và 150 – LTC, ngày 21 tháng 10 năm 1970. Đây là 02 Pháp lệnh quy định về việc trừng trị các tội xâm phạm sở hữu XHCN và tài sản riêng của công dân trong đó có tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, ở đây có sự phân biệt chế định tội trộm cắp tài sản giữa tập thể (XHCN) và tài sản công dân bằng cách xây dựng 02 đạo luật riêng biệt.

Đến khi Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta ra đời năm 1985, các chế định tội phạm nói chung và tội trộm cắp tài sản đều được quy định trong Bộ luật, đã đánh dấu một bước phát triển mới đối với kỹ thuật lập pháp của pháp luật hình sự nói riêng và pháp luật nước ta nói chung. Nghĩa là, các quan hệ pháp luật đã được phân theo những ngành luật nhất định và được gom vào cùng 1 văn bản để điều chỉnh một lĩnh vực pháp luật nhất định. Mặc dù vậy, đối với tội trộm cắp tài sản, pháp luật hình sự nước ta vẫn còn duy trì sự phân biệt giữa tài sản công (XHCN) và tài sản tư trong việc đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Đến năm 1999, khi chúng ta ban hành Bộ luật hình sự mới thay thế Bộ luật hình sự năm 1985 thì chế định tội trộm cắp tài sản mới được quy định một cách thống nhất về giá trị sở hữu cũng như phương thức phạm tội là yếu tố cấu thành để xác định mức độ nguy hiểm của hành vi pháp luật chứ không còn có sự phân biệt tài sản công (XHCN) hay tài sản tư để xác định mức độ nguy hiểm cho hành vi phạm tội và làm căn cứ để định tội danh.

Đến nay, sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung thì đã có rất nhiều sự thay đổi trong việc đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của các hành vi cấu thành tội trộm cắp tài sản, như thay đổi về giá trị tài sản, thay đổi về mức tối đa của khung hình phạt... Những thay đổi như vậy phản ánh sự phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội cũng như sự phát triển của khoa học pháp lý và sự phát triển của tư duy lập pháp của nước ta. Từ thực tiễn đấu tranh và phòng ngừa tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội em thấy rằng việc nghiên cứu đề tài: *“Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay từ thực tiễn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội”* là một vấn đề có tính lý luận và thực tiễn để em có thể đưa ra những quan điểm khoa học của mình trong đấu tranh, phòng ngừa tội trộm cắp tài sản hiện nay. Do đó, em lựa chọn đây là đề tài luận văn cao học của mình.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tội trộm cắp tài sản ở Việt Nam hiện nay đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm cả từ phương diện lý luận và thực tiễn. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu gần gũi như: “*Phân biệt một số dấu hiệu đặc trưng của tội trộm cắp tài sản khi định tội danh*”, của tác giả Trần Mạnh Hà, Tạp chí Tòa án, số 10/2006. Các luận văn, luận án như: “*Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định*” của tác giả Vũ Quyết Chiến, 2015. “*Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử của Tòa án quân sự quân khu 5*” của tác giả Nguyễn Anh Chung...

Các nghiên cứu có tính lý luận như: *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (phần các tội phạm)*, Viện khoa học pháp lí, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993; *Luật Hình sự Việt Nam phần chung*, của tác giả Võ Khánh Vinh, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014; *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (tập 2)*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009...

Các tài liệu trên đã làm sáng tỏ những vấn đề lịch sử hình thành cũng như các quy định về tội trộm cắp tài sản trong pháp luật hình sự nước ta kể từ khi chúng ta giành được độc lập (năm 1945) đến nay. Tuy nhiên, về mặt khoa học vẫn chưa có sự lý giải thấu đáo ở một số điểm như sự khác nhau về mức độ hình phạt khi cùng có một mức độ thiệt hại, cùng mức độ nguy hiểm của hành vi mà khác nhau về chủ sở hữu của tội trộm cắp tài sản ở một số thời kỳ lại gánh chịu hậu quả pháp lý khác nhau.

Bên cạnh đó một vấn đề có tính phạm vi trong nghiên cứu đó chính là các nghiên cứu trước đây đã tập trung nghiên cứu ở những phạm vi rộng hơn như trên cả nước, các tỉnh thành hoặc những phạm vi khác nhau nhưng với phạm vi huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội thì chưa có nghiên cứu nào



thực hiện trên phạm vi địa bàn này. Chính vì vậy, tác giả lựa chọn đây là phạm vi nghiên cứu của Luận văn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài luận văn có mục tiêu quan trọng là bổ sung thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn các quy định về tội trộm cắp tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay. Cung cấp thêm các thông tin về tình hình thực tiễn trong xét xử cũng như các quy định về tội trộm cắp tài sản của nước ta nói chung và trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội nói riêng. Nêu những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự trong quá trình định tội danh, áp dụng hình phạt với tội cướp tài sản trên địa bàn huyện từ năm 2011 đến nay; Từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về loại tội phạm này, giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Nhằm đạt được mục đích nghiên cứu của luận văn đề tài sẽ tập trung làm rõ những vấn đề sau:

- Lịch sử hình thành chế định tội trộm cắp tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Phân tích, bình luận các quy định về tội trộm cắp tài sản qua các thời kỳ và các quy định của pháp luật hình sự hiện hành, từ đó rút ra những tiến bộ, hạn chế trong các giai đoạn lịch sử của pháp luật hình sự đó.

- Đánh giá thực tiễn quy định về tội trộm cắp tài sản của pháp luật hình sự Việt Nam thời gian qua và những vấn đề đạt được, hạn chế trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội thời gian qua.

- Từ việc phân tích, đánh giá những mặt tích cực và hạn chế, Luận văn sẽ đưa ra những kiến nghị về pháp luật hình sự trong các quy định về tội trộm

cấp tài sản nhằm nâng cao chất lượng đấu tranh, phòng ngừa đối với loại tội này.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản trong lịch sử và hiện nay. Đặc biệt, tác giả phân tích kỹ những quy định về tội trộm cắp tài sản trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn các quy định pháp luật hình sự cũng như thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

##### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về phạm vi nghiên cứu, luận văn đã lựa chọn địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội làm không gian nghiên cứu;

Về thời gian, đề tài xin được giới hạn phạm vi theo các số liệu liên quan đã thu thập được từ thực tiễn xét xử về tội trộm cắp tài sản mà Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã xét xử từ năm 2010 đến năm 2015.

#### **5. Phương pháp lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở lý luận của luận văn chủ yếu là những kiến thức của khoa học pháp lý hình sự, tội phạm học, luật học, xã hội học pháp luật, luật học so sánh..., được học viên lựa chọn làm cơ sở lý luận trong việc nghiên cứu luận văn.

Ngoài ra các quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lê nin, đường lối, chính sách của Đảng về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và pháp luật là những cơ sở lý luận đáng tin cậy để học viên lựa chọn làm phương pháp nghiên cứu của luận văn.

Phương pháp luận nghiên cứu của đề tài là những kiến thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử đề tài sử dụng một số phương pháp cụ thể như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, so sánh, phương pháp hệ thống, lịch sử, phương pháp thống kê, khảo sát. Từ thực tiễn, trao đổi chuyên gia, vụ việc thực tiễn, những vấn đề liên quan đến tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội được xem xét, đánh giá từ nhiều góc độ khác nhau, đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, có hệ thống và xác thực của những nội dung, vấn đề được trình bày trong luận văn.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Việc nghiên cứu thành công luận văn là cơ sở cho việc bổ sung các quan điểm lý luận trong về tội trộm cắp tài sản, xác định rõ hơn các cơ sở khoa học trong quy định của tội trộm cắp tài sản, cơ sở lý luận về định tội danh và trong đấu tranh, phòng ngừa đối với tội trộm cắp tài sản ở nước ta hiện nay;

Chỉ ra những thành công và hạn chế về quy phạm pháp luật về tội trộm cắp tài sản, việc định tội danh, các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;

Kết quả của luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu và giảng dạy trong các trường nghiệp vụ của ngành luật, trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cũng như trong học tập, nghiên cứu về định tội danh, về pháp luật hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả trong quá trình đấu tranh, phòng ngừa tội trộm cắp tài sản ở nước ta hiện nay.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Bao gồm phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo và phần nội dung của luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Quy định pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản

Chương 2: Thực tiễn áp dụng pháp luật về tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản ở nước ta hiện nay

# CHƯƠNG 1

## QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN

### 1.1. Khái quát lịch sử lập pháp Việt Nam về tội trộm cắp tài sản

#### 1.1.1. Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự nước ta giai đoạn từ khi giành được độc lập đến trước khi Bộ luật Hình sự 1985 ra đời

Chế định về tội trộm cắp tài sản ở nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa nói riêng và các chế định pháp luật nước ta nói chung trong giai đoạn mới giành được độc lập bước đầu được kế thừa từ pháp luật của chế độ cũ. Cụ thể, trong Sắc lệnh số: 47-SL, ngày 10/10/1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành đã nêu rõ việc tạm thời giữ lại các luật, lệ tại miền Bắc, Trung, Nam Bộ cho đến khi ban hành các văn bản pháp luật thống nhất trong toàn quốc [16]. Đối với quy định về tội trộm cắp tài sản, dù không có những quy định mới nhưng đến năm 1948 nhà nước ta đã bổ sung thêm quy định về tội ăn cắp, lấy trộm các đồ quân giới, quân trang, quân dụng nói tóm lại các vật dụng nhà binh trong thời bình và thời chiến: *Trong thời bình, tội ăn cắp, lấy trộm các đồ quân giới, quân trang, quân dụng nói tóm lại các vật dụng nhà binh, bị phạt theo điều khoản của hình luật chung* [16, Điều thứ nhất]. Trong Điều thứ 2 của Sắc lệnh quy định: *Trong thời kỳ chiến tranh các tội phạm ấy phạt như sau đây:*

- *Trộm cắp thường: từ 2 đến 10 năm tù;*
- *Nếu có tình trạng gia trọng: có thể phạt khổ sai hay tử hình* [16, Điều thứ hai].

Đến năm 1958, nhằm bảo vệ tài sản của nhà nước, hợp tác xã và nhân dân chúng ta cũng đã ban hành Sắc lệnh số 267-SL, ngày 15/6/1958 [17], trong đó có quy định về tội trộm cắp tài sản. Cụ thể, Điều 2 Sắc lệnh quy

định: “*Người phạm các tội trộm cắp, lãng phí, làm hỏng, hủy hoại, cướp bóc tài sản của nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân với mục đích phá hoại sẽ bị phạt tù từ năm năm hai mươi năm tù*”. Sắc lệnh này nghiêm trị những người phạm tội vì mục đích phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân hoặc vì mục đích phá hoại mà làm cản trở đến việc thực hiện kế hoạch chính sách của Nhà nước về kinh tế, văn hóa.

Đến năm 1970 nhà nước ta đã tiến hành xây dựng pháp luật mới về tội trộm cắp tài sản. Do đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước ta đã cùng một lúc thông qua 02 Pháp lệnh số: 149 – LTC và 150 – LTC. Trong đó Pháp lệnh số: 149 – LTC (Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm sở hữu XHCN) quy định về tài sản XHCN bao gồm: “*Tài sản xã hội chủ nghĩa bao gồm tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước (tức sở hữu toàn dân), và tài sản thuộc sở hữu của hợp tác xã và các tổ chức hợp pháp khác (tức sở hữu của tập thể)*” [8, Điều 1];

Và trong Pháp lệnh 150 – LTC (Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân đã quy định về nội dung tài sản riêng của công dân như sau: “*Tài sản riêng của công dân được nhà nước bảo hộ gồm có của cải do sức lao động của công dân làm ra, của cải thu nhập một cách hợp pháp hoặc để dành được, như tiền bạc, lương thực, quần áo, nhà ở, gia súc, xe cộ, tư trang, văn hóa phẩm và đồ dùng riêng khác.*” [9, Điều 1].

Trong 02 Pháp lệnh này, chế định về tội trộm cắp tài sản XHCN và tài sản riêng của công dân cũng đã được Pháp lệnh quy định một cách rõ ràng. Và nó được quy định trong Điều 7 Pháp lệnh 149 – LTC và Điều 6 Pháp lệnh 150 – LTC. Trong đó, Điều 7 Pháp lệnh 149 – LTC (Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm sở hữu XHCN) quy định:

*“1. Kẻ nào trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.*

2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây:

a. Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm;

b. Có tổ chức;

c. Có móc ngoặc;

d. Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

e. Trộm cắp tài sản với số lượng lớn hoặc tài sản có giá trị đặc biệt;

f. Dùng tài sản trộm cắp được vào việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ, hoặc vào những việc phạm tội khác thì bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

3. Phạm tội trong trường hợp số tài sản bị xâm phạm rất lớn hoặc có nhiều tình tiết nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình”. [8, Điều 7]

Điều 6, Pháp lệnh: 150 – LTC, ngày 21 tháng 10 năm 1970 (Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân) cũng quy định:

“1. Kẻ nào trộm cắp tài sản riêng của công dân thì bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc những trường hợp sau:

a. Có tính chất chuyên nghiệp hoặc tái phạm nguy hiểm;

b. Có tổ chức;

c. Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

d. Gây hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của người bị thiệt hại hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.

3. Phạm tội trong trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm”. [9, Điều 6]

Hai Pháp lệnh này đã cụ thể các quy định về tội trộm cắp tài sản với các dấu hiệu rõ ràng tương ứng với các khung hình phạt cụ thể. Đồng thời, nó

cũng thể hiện thái độ của nhà nước trong việc coi quyền sở hữu tài sản là thiêng liêng cần phải được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên trong giai đoạn này vẫn có sự phân biệt trong việc bảo vệ các loại tài sản thuộc sở hữu khác nhau thì mức độ bảo vệ của pháp luật hình sự cũng có sự phân biệt khác nhau. Cụ thể, trong Điều 7, Pháp lệnh số 149-LTC quy định về tội trộm cắp tài sản XHCN với khung hình phạt cao nhất là đến chung thân hoặc tử hình [8, Điều 7]. Và trong cùng một hành vi, có cùng dấu hiệu pháp lý cũng như cùng mức độ thiệt hại thì khung hình phạt cao nhất đối với tội trộm cắp tài sản riêng của công dân chỉ đến 15 năm tù [9, khoản 3, Điều 6].

### ***1.1.2. Chế định về tội trộm cắp tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự 1985***

Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời đã đánh dấu một bước phát triển mới đối với kỹ thuật lập pháp của pháp luật hình sự nói riêng và khoa học pháp lý nước ta nói chung. Theo đó, các quan hệ pháp luật đã được phân theo những ngành luật nhất định sẽ được gom vào cùng 1 văn bản để điều chỉnh một lĩnh vực pháp luật nhằm thống nhất pháp luật trong việc xử lý các mối quan hệ xã hội có cùng đối tượng điều chỉnh (hình sự, hành chính, dân sự, kinh tế...).

Ngay từ khi Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời Tội trộm cắp tài sản đã được đưa vào Bộ luật hình sự nước ta. Tuy nhiên, khác với giai đoạn hiện nay, trong Bộ Luật hình sự năm 1985 Tội trộm cắp tài sản vẫn được quy định thành 2 loại tội thuộc các thành phần sở hữu khác nhau. Đó là: Tội trộm cắp tài sản XHCN, quy định tại Điều 132 và Trộm cắp tài sản của công dân, quy định tại Điều 155 với mức khung hình phạt cũng có sự phân biệt. Cụ thể, đối với tội trộm cắp tài sản XHCN, theo Điều 132 thì khung hình phạt cao nhất có thể đến chung thân hoặc tử hình [11, khoản 3, Điều 132]. Còn đối với tội trộm



cấp tài sản của công dân theo quy định tại Điều 155 thì khung hình phạt cao nhất chỉ đến 20 năm tù.

Đối với tội trộm cắp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1985, cũng như những giai đoạn từ khi chúng ta mới giành được độc lập. Chúng ta thấy rõ ràng không chỉ giá trị tài sản, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi là yếu tố quan trọng nhất để định tội danh đối với tội phạm này mà một yếu tố cũng rất quan trọng đó chính là dấu hiệu của chủ sở hữu. Cụ thể, chúng ta thấy mặc dù cùng là trộm cắp tài sản cùng với những mức độ cấu thành như nhau, mức độ thiệt hại như nhau nhưng nếu là tài sản thuộc sở hữu XHCN thì mức hình phạt nặng hơn so với tài sản thuộc sở hữu của cá nhân công dân.

Từ những quy định như vậy, có thể thấy mặc dù Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời đã đánh dấu một bước tiến lớn trong kỹ thuật lập pháp nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định, đặc biệt vẫn có sự phân biệt đối xử giữa các thành phần sở hữu. Điều này nó càng thể hiện rõ tính giai cấp của pháp luật nói chung và của pháp luật hình sự nói riêng.

Và BLHS năm 1985 sau khi trải qua bốn lần sửa đổi bổ sung (ngày 28/12/1989, ngày 12/8/1991, ngày 22/12/1992 và ngày 10/5/1997), BLHS 1985 đã không còn là một chỉnh thể thống nhất cần có một BLHS mới thay thế. Chính vì vậy, đến năm 1999 một BLHS mới đã ra đời thay thế BLHS năm 1985 trên cơ sở kế thừa và phát triển cho phù hợp với điều kiện xã hội. Việc sửa đổi, bổ sung BLHS phần liên quan đến các tội xâm phạm sở hữu được thể hiện ở cả kỹ thuật lập pháp hình sự, tội phạm hóa và hình sự hóa. Nhà làm luật đã đưa dấu hiệu định lượng vào các cấu thành tội phạm và điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng BLHS từ phía cơ quan và những người tiến hành tố tụng trong hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật tại địa phương.

## **1.2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội trộm cắp tài sản**

### **1.2.1. Quy định về tội trộm cắp tài sản của Bộ luật Hình sự 1999**

Khi Bộ luật hình sự năm 1999 của nước ta ra đời (ngày 21/12/1999) [12] thay thế Bộ luật hình sự năm 1985, trong đó những hạn chế trong việc phân biệt giữa các thành phần sở hữu như đã được đề cập trong Bộ luật hình sự 1985 đã được khắc phục. Đây cũng là sự thể hiện sự phát triển của kỹ thuật lập pháp nước ta. Nó biểu hiện là đã có sự đánh giá nhìn nhận một cách khách quan hơn trong tư tưởng của các nhà làm luật về sự bình đẳng của các thành phần sở hữu trong các mối quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật hình sự nói riêng.

Từ tư tưởng như vậy, trong kỹ thuật lập pháp và quy định về tội trộm cắp tài sản cũng như các tội xâm phạm sở hữu chúng ta không còn thấy sự phân biệt về chủ sở hữu để làm căn cứ định tội danh mà trong quan hệ này chúng ta đã xác định giá trị tài sản cũng như mức độ nguy hiểm cho hành vi là những yếu tố cơ bản để định tội danh và xác định các yếu tố cấu thành. Đây cũng là một trong những tiến bộ của Bộ luật hình sự 1999 so với Bộ luật hình sự năm 1985.

Theo đó tội trộm cắp tài sản trong Bộ luật hình sự năm 1999 được quy định tại Điều 138 được quy định như sau:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

- a) Có tổ chức;
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;
- c) Tái phạm nguy hiểm;
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;
- đ) Hành hung để tẩu thoát;
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;
- g) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;
- b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

- a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;
- b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

### **1.2.2. Quy định về tội trộm cắp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi năm 2009)**

Đến năm 2009, Quốc hội nước ta thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự 1999. Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 37/2009/QH12 thông qua ngày 19/6/2009 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2000 thì về cơ bản các quy định về Tội trộm cắp tài sản ở Điều 138 vẫn giữ nguyên kể cả thứ tự Điều cũng như các dấu hiệu cấu thành, các khoản và các khung hình phạt

trong các khoản. Tuy nhiên, giá trị về tối thiểu về tài sản để xác định yếu tố cấu thành được nâng lên từ 500 ngàn đồng thành 2 triệu đồng. Việc thay đổi như vậy đáp ứng yêu cầu thực tiễn của phát triển xã hội. Vì trong giai đoạn năm 1999 thì hành vi trộm cắp từ 500 ngàn đồng đã có thể coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội và cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, đến năm 2009 thì với sự phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội các nhà làm luật đánh giá rằng mức độ thiệt hại như vậy không còn coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội và đã điều chỉnh giá trị từ 500 ngàn đồng lên thành 2 triệu đồng cho phù hợp với các điều kiện thực tiễn xã hội. Việc điều chỉnh như vậy cũng là hết sức hợp lý và đáp ứng các yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Hiện nay Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Tái phạm nguy hiểm;*
- d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;*
- đ) Hành hung để tẩu thoát;*
- e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;*

*g) Gây hậu quả nghiêm trọng.*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;*

*b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.*

*4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:*

*a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên;*

*b) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.*

***1.2.3. Khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành của tội trộm cắp theo Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi 2009)***

***1.2.3.1. Khái niệm về tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay***

Theo tác giả: Võ Khánh Vinh thì hành vi chiếm đoạt tài sản (xã hội chủ nghĩa hoặc của công dân) là cố ý chiếm lấy không hoàn lại một cách trái phép tài sản (xã hội chủ nghĩa hoặc của công dân) và biến nó thành tài sản của mình hoặc chuyển cho người khác, được thực hiện bằng những hình thức qui định trong luật với mục đích vụ lợi.[27]

Đồng thời theo quy định của Điều 138 BLHS về tội trộm cắp tài sản và Điều 8 BLHS quy định về khái niệm tội phạm: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội,*

*quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”.*

Qua khái niệm về tội phạm và quy định của Bộ luật hình sự về tội trộm cắp tài sản, có thể đưa ra khái niệm về tội trộm cắp tài sản như sau:

*“Trộm cắp tài sản được hiểu là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng trở lên hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”. [25, tr 213].*

#### *1.2.3.2. Các đặc điểm của tội trộm cắp tài sản*

Từ phương diện lý luận, tội “trộm cắp tài sản” là loại tội phạm có dấu hiệu hành vi khách quan khá đơn giản: đó là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác” [8, Tr 196]. Tuy nhiên trong thực tiễn, hành vi trộm cắp tài sản, mà cụ thể là hành vi “lén lút” được diễn ra rất đa dạng, biến hoá, gây nhiều tranh cãi trong vấn đề định tội danh giữa các nhà áp dụng pháp luật. Có thể phân tích một số đặc điểm như sau làm ví dụ minh họa:

Về dấu hiệu lén lút của hành vi trộm cắp tài sản thể hiện ở chỗ người phạm tội giấu diếm hành vi phạm tội của mình. Lén lút, đối lập với công khai trắng trợn. Tuy vậy, lén lút không phải đặc trưng duy nhất của tội trộm cắp tài sản, mà trong nhiều tội phạm người phạm tội cũng lén lút nhưng là để thực hiện một mục đích khác như: Giết người, đối với hành vi lén vào nhà người khác để đặt mìn nhằm mục đích giết hại những người trong gia đình họ, hay hiếp dâm khi thực hiện hành vi lén vào phòng ngủ của phụ nữ để thực hiện hành vi hiếp dâm. v.v... Vì vậy, khi nói đến tội trộm cắp tài sản thì không thể không đi kèm với hành vi chiếm đoạt tài sản, nếu lén lút mà không nhằm chiếm

đoạt tài sản thì không phải là trộm cắp tài sản. Có thể nói, dấu hiệu đặc trưng của tội trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn lén lút.

Tham khảo quy định về hành vi chiếm đoạt của pháp luật hình sự Liên bang Nga quy định: "chiếm đoạt nói trong các Điều của Bộ luật này được hiểu là việc lấy đi và (hoặc) biến tài sản của người khác thành tài sản của người phạm tội hoặc của người khác một cách trái pháp luật và không có sự đền bù vì mục đích vụ lợi gây thiệt hại cho chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu tài sản đó" [1]. Ở đây chúng ta thấy có khá nhiều sự tương đồng.

Ngoài ra, khi so sánh với Bộ luật hình sự năm 1985 thì Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có nhiều sửa đổi bổ sung, nhất là đối với các tình tiết là yếu tố định tội; phân biệt ranh giới giữa hành vi là tội phạm với hành vi chưa tới mức phải xử lý về hình sự; đây cũng là điểm khác biệt cơ bản so với Bộ luật hình sự năm 1985 trong quy định về tội phạm này, nó cho thấy sự chuyển biến của khoa học pháp lý trong việc xây dựng cấu thành từ cấu thành định tính sang dần cấu thành định lượng đối với tội danh này.

#### *1.2.3.3. Về các khung hình phạt của tội trộm cắp tài sản*

Khi so sánh về hình phạt giữa Bộ luật hình sự 1985 với Bộ luật hình sự 1999 có thể thấy Điều 138 (BLHS 1999) quy định nặng hơn Điều 155 và nhẹ hơn Điều 132 Bộ luật hình sự năm 1985 (Điều 132 quy định là tử hình, còn Điều 155 là hai mươi năm tù). Có thể nói Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 là sự dung hòa về khung hình phạt giữa Điều 132 và Điều 155 của Bộ luật hình sự 1985.

Về cơ cấu, tội trộm cắp tài sản quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 được cấu tạo thành 5 khoản (Điều 132 và 155 Bộ luật hình sự năm 1985 quy định về tội này chỉ có 3 khoản). Khoản 1 là cấu thành cơ bản có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm (nhẹ hơn khoản 1 Điều 132 và nặng hơn khoản 1 Điều 155 Bộ luật

hình sự năm 1985); khoản 2 có khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm (nhẹ hơn khoản 2 Điều 132 và nặng hơn khoản 2 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985); khoản 3 có khung hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm (nhẹ hơn cả khoản 3 Điều 132 và khoản 3 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985); khoản 4 có khung hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân (là khung hình phạt mới mà Điều 132 và Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985 không quy định).

Về cơ cấu hình phạt, mức hình phạt của tội phạm này được chia thành bốn khung, cụ thể như sau:

– Khung một (khoản 1):

Có mức hình phạt là phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm, khung hình phạt này được áp dụng đối với trường hợp phạm tội có đủ dấu hiệu cấu thành cơ bản nêu ở mặt khách quan.

– Khung hai (khoản 2):

Có mức phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Được áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau đây:

+ Có tổ chức;

+ Có tính chất chuyên nghiệp.

+ Tái phạm nguy hiểm;

+ Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm. Được hiểu là các thủ đoạn tinh vi rất khó phát hiện (như bố trí trộm cắp xe gắn máy tại bãi giữ xe) và các thủ đoạn mang tính nguy hiểm gây thiệt hại thêm cho chủ sở hữu (như dỡ mái nhà để trèo vào trộm cắp...).

+ Hành hung để tẩu thoát.

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.

+ Gây hậu quả nghiêm trọng.



– Khung ba (khoản 3):

Có mức phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Được áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau đây:

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.

+ Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

- Khung bốn (khoản 4):

Có mức phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân. Được áp dụng đối với một trong các trường hợp phạm tội sau:

+ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên.

+ Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

– Hình phạt bổ sung (khoản 5):

Ngoài việc phải chịu một trong các hình phạt chính nêu trên, tùy từng trường hợp cụ thể, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng.

#### *1.2.3.4. Các dấu hiệu pháp lý của tội trộm cắp tài sản*

\* *Mặt khách quan:* Là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm bao gồm: hành vi khách quan, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan...

Mặt khách quan của tội này có các dấu hiệu sau:

– Đối với hành vi, trước tiên đó là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi này được hiểu là hành vi chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành của mình. Thực tế, hành vi này làm cho chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản không thể thực hiện được các quyền năng (gồm quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt hay quản lý) đối với tài sản của họ hoặc được giao quản lý, đồng thời những quyền này lại thuộc về người phạm tội và người này có thể thực hiện được các quyền này một cách trái

pháp luật. Đặc trưng của hành vi chiếm đoạt được thực hiện (hành động) một cách lén lút, bí mật. Việc lén lút, bí mật là nhằm để che giấu hành vi phạm tội để chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản không biết việc chiếm đoạt đó. Đây cũng chính là một trong những đặc trưng quan trọng của tội trộm cắp tài sản. Nghĩa là, nếu không có hành động thì không cấu thành tội danh này.

– Mặt khác, hành vi lén lút cũng là dấu hiệu để phân biệt giữa tội trộm cắp tài sản với các tội có tính chiếm đoạt khác (như tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, cướp tài sản...).

Việc che giấu hành vi phạm tội có thể được thực hiện bằng một số hình thức như:

+ Che giấu toàn bộ hành vi: Trường hợp này, chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản không biết được bất cứ thông tin nào về người phạm tội cũng như hành vi phạm tội (ví dụ: Lợi dụng lúc không ai để ý, lén vào nhà người khác lấy trộm tài sản).

+ Che giấu một phần hành vi: Tức chỉ che giấu riêng hành vi phạm tội (ví dụ: Kẻ phạm tội giả vờ thực hiện các hành vi khác để người quản lý tài sản không chú ý và nhanh tay trộm tài sản giấu vào người). Trong trường hợp này chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản biết rõ người phạm tội nhưng không biết hành vi phạm tội.

+ Che giấu tính chất của hành vi phạm tội: Được hiểu là hành vi phạm tội được diễn ra công khai nhưng không ai biết việc phạm tội (ví dụ: Lợi dụng đám cưới đông người, người giữ xe tưởng là bạn bè của cô dâu, chú rể nên để cho kẻ phạm tội tự do dắt xe khỏi nơi giữ do mình quản lý).

– Dấu hiệu khác:

+ Về giá trị tài sản chiếm đoạt: Giá trị tài sản chiếm đoạt phải từ hai triệu đồng trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu giá trị tài sản dưới hai triệu đồng thì phải thuộc các trường hợp: Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc

đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội cướp tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản...) nhưng chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì người thực hiện hành vi nêu trên mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Đây là dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội này.

+ Về đối tượng của tội trộm cắp tài sản gồm: Vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản (quy định tại Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2005). Tuy nhiên trên thực tế theo tác giả thì quyền tài sản khó (hoặc không thể) là đối tượng của tội trộm cắp tài sản (Ví dụ, giấy tờ sở hữu xe máy, như quyền sử dụng đất) vì quyền tài sản tuy được coi là tài sản nhưng có tính đặc thù, chỉ là một quyền năng mang tính pháp lý được Nhà nước bảo hộ, để chuyển dịch được phải thông qua các thủ tục pháp lý (thường là phức tạp) do Nhà nước quy định nên không thể lén lút mà chiếm đoạt được. Trong trường hợp nhất định mà chuyển dịch được quyền này thì lại cấu thành các tội phạm tương ứng khác.

Thực tế cho thấy, để chuyển dịch quyền sử dụng một người đã phải giả giấy tờ mua bán có công chứng để chuyển dịch quyền sử dụng đất, giấy tờ sở hữu tài sản của người khác thành của mình tức sang tên của mình. Trong trường hợp này hành vi nêu trên cấu thành tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, hoặc có thể họ còn bị truy cứu TNHS đối với hành vi lừa đảo nếu chuyển đổi tài sản đó cho người khác và bị khởi kiện hoặc phát hiện.

\* *Khách thể*: Hành vi nêu trên xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là đối tượng được pháp luật hình sự bảo vệ, (Điều 138, Bộ luật Hình sự năm 1999 và BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung 2009).

\* *Mặt chủ quan*: Người phạm tội thực hiện tội phạm này với lỗi cố ý.

Đối với tội trộm cắp tài sản thì mặt chủ quan của tội phạm chỉ có thể được xác định với lỗi cố ý chứ không thể xác định ở lỗi vô ý. Nghĩa là, người

phạm tội ý thức và mong muốn chiếm đoạt tài sản của người quản lý tài sản và biểu hiện bằng hành vi lén lút của mình. Chính vì vậy họ có thể thấy trước được hậu quả pháp lý có thể xảy ra và mong muốn hậu quả xảy ra bằng chứng là họ mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người quản lý tài sản.

\* *Chủ thể:*

Chủ thể của tội trộm cắp tài sản là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự. Đối với chủ thể của pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay, theo quy định thì chỉ là các cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự. Chính vì vậy, pháp nhân hay các cá nhân không có năng lực trách nhiệm hình sự không là chủ thể của tội “trộm cắp tài sản”.

Một vấn đề nữa cần lưu ý đối với tội *trộm cắp tài sản* đó là, trường hợp những người đủ 14 tuổi nhưng dưới 16 tuổi. Nếu như những người từ đủ 16 tuổi trở lên thì pháp luật hình sự quy định họ phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm [13, Điều 12]. Tuy nhiên, đối với những người từ đủ 14 tuổi nhưng dưới 16 tuổi thì chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với về tội phạm rất nghiêm trọng [13, Điều 12]. Mà tội rất nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự đó là: “*tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây ra nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù, tội đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, chung thân hoặc tử hình*” [13, khoản 3, Điều 8].

Do đó, chủ thể của tội trộm cắp tài sản nếu ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thì chỉ có thể là những người đã phạm tội đối với khoản 3, 4 Điều 138 chứ không thể là những người phạm tội thuộc khoản 1 và 2 của điều luật.

*1.2.3.5. Phân biệt tội trộm cắp tài sản với một số tội phạm khác*

Trong khoa học hình sự, khách thể loại của tội trộm cắp tài sản là các tội xâm phạm sở hữu. Về mặt lý luận có thể nhận biết tội phạm qua các dấu

hiệu pháp lý đặc trưng, song trên thực tế tội phạm được thực hiện ở nhiều dạng khác nhau, việc nhận biết hành vi phạm tội không đơn giản. Thực tiễn xét xử tội phạm cho thấy, trong nhiều trường hợp, các cơ quan tiến hành tố tụng do không nắm rõ bản chất hành vi phạm tội dẫn đến định tội danh không chính xác. Do đó, điều quan trọng là cần hiểu đúng bản chất của hành vi phạm tội, trên cơ sở đó phân biệt được các tội phạm với nhau.

Nghiên cứu về tội trộm cắp tài sản, không chỉ tìm hiểu về dấu hiệu pháp lý của tội phạm mà còn phải phân biệt được tội trộm cắp tài sản với các tội phạm khác, nhất là một số tội phạm gần gũi với nó, đó là tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản.

*- Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản*

Trước hết cần hiểu, công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi công khai, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác do lợi dụng tình trạng họ không có điều kiện bảo vệ tài sản của mình.

Tội trộm cắp tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản có nhiều dấu hiệu giống nhau, đó là: cả hai tội đều có cùng khách thể loại và cùng là đối tượng bảo vệ của pháp luật hình sự và đều thông qua hành vi phạm tội tác động đến đối tượng là tài sản làm biến đổi tình trạng bình thường của tài sản. Cả hai tội phạm đều có cấu thành vật chất, dấu hiệu hậu quả nguy hiểm được phản ánh trong cấu thành tội phạm đó là thiệt hại về tài sản biểu hiện dưới dạng tài sản bị chiếm đoạt, điều luật quy định mức tối thiểu giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm cơ sở truy cứu TNHS, theo đó người có hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị từ mức tối thiểu trở lên sẽ phải chịu TNHS về tội phạm tương ứng. Về mặt chủ quan, lỗi của người phạm tội đều là lỗi cố ý trực tiếp và mục đích phạm tội là mục đích chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, người thực hiện hành vi phạm tội đều là chủ thể thường có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định.

Tuy nhiên, điểm khác nhau giữa hai tội, đó chính là hành vi khách quan

của tội phạm: hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, còn hành vi khách quan của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là hành vi công khai, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản ngay trước sự chứng kiến của chủ tài sản.

Về mặt lý luận, có thể phân biệt hai tội trên ở hành vi phạm tội, nhưng trên thực tế việc phân biệt chúng không đơn giản, có những trường hợp người phạm tội công khai ngang nhiên chiếm đoạt tài sản nhưng không phải là hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản mà là trộm cắp tài sản, bởi vì tuy có hành vi công khai ngang nhiên chiếm đoạt tài sản nhưng người phạm tội chỉ công khai với những người khác, còn đối với chủ tài sản người phạm tội vẫn có ý thức lén lút khi chiếm đoạt tài sản.

Ví dụ: Một người đang đi trên đường thì bị tai nạn dẫn đến bất tỉnh nên không thể tự bảo vệ tài sản của mình, người phạm tội lợi dụng hoàn cảnh này mà ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người đó trước sự chứng kiến của những người xung quanh thì vẫn là trộm cắp tài sản bởi vì lúc này người đó không nhận thức được sự việc diễn ra xung quanh mình, không biết tài sản của mình đang bị chiếm đoạt, do vậy đối với người bị tai nạn thì người phạm tội vẫn lén lút chiếm đoạt tài sản.

*- Phân biệt tội trộm cắp tài sản với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*

Tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản có những dấu hiệu giống nhau, đó là: về khách thể của tội phạm, cả hai tội đều xâm hại tới khách thể bảo vệ của luật hình sự là quan hệ sở hữu tài sản thông qua việc tác động đến đối tượng vật chất là tài sản làm biến đổi tình trạng bình thường của tài sản, thể hiện dưới dạng tài sản bị chiếm đoạt. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối. Về hậu quả nguy hiểm cho xã hội, cả hai tội đều có cấu thành vật chất, dấu hiệu hậu quả là thiệt hại về tài sản là dấu hiệu bắt buộc được phản ánh trong cấu

thành tội phạm, điều luật quy định mức tối thiểu giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự. Về mặt chủ quan, lỗi của người phạm tội đều là lỗi cố ý trực tiếp, mục đích phạm tội là mục đích chiếm đoạt tài sản. Về chủ thể của tội phạm, ở cả hai tội đều là chủ thể bình thường, có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định.

Về sự khác nhau giữa hai tội phạm trên, có thể thấy điểm khác biệt cơ bản là hành vi khách quan của tội phạm: hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, còn hành vi khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn gian dối, “gian dối” được hiểu là đưa ra những thông tin mình biết rõ không phải là sự thật làm cho chủ tài sản tin đó là sự thật, nhằm chiếm đoạt tài sản.

*- Phân biệt với tội cướp giật tài sản*

Tội cướp giật tài sản là hành vi nhanh chóng, công khai chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng lẩn tránh. Tội trộm cắp tài sản và tội cướp giật tài sản giống nhau về lỗi của người phạm tội, đều là lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đều do chủ thể bình thường có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định thực hiện.

Về điểm khác nhau giữa hai tội, trước hết là về khách thể của tội phạm: khách thể của tội trộm cắp tài sản là quan hệ sở hữu tài sản, còn khách thể của tội cướp giật tài sản là quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ nhân thân.

Mặt khách quan của tội phạm ở hai tội cũng khác nhau: hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản còn ở tội cướp giật tài sản là hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng lẩn tránh, dấu hiệu công khai, nhanh chóng là dấu hiệu đặc trưng: công khai thể hiện ở chỗ hành vi chiếm đoạt được thực hiện trước sự chứng kiến của chủ tài sản, khi có hành vi cướp giật tài sản chủ tài sản biết tài sản của mình bị chiếm đoạt, nhanh chóng thể hiện ở chỗ người phạm tội lợi dụng sơ hở của chủ tài sản nhanh chóng tiếp cận nhanh chóng chiếm đoạt rồi

nhanh chóng lẫn tránh (thường là nhanh chóng tẩu thoát).

Điểm khác nhau nữa giữa tội trộm cắp tài sản và tội cướp giật tài sản là mục đích phạm tội: mục đích của người phạm tội trộm cắp tài sản là mục đích chiếm đoạt tài sản, còn ở tội cướp giật tài sản thì chiếm đoạt tài sản không còn là mục đích nữa mà đã được thể hiện bằng hành vi chiếm đoạt.

### **Kết luận chương 1**

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận về tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam. Về mặt lịch sử phát triển của chế định này, chúng ta thấy có sự phát triển về nhận thức của khoa học pháp lý nói chung và sự phát triển của các quy phạm về tội trộm cắp tài sản ở nước ta nói riêng. Cụ thể, từ chỗ có sự phân biệt về mức độ bảo vệ của pháp luật hình sự đối với các loại hình sở hữu thì đến nay pháp luật hình sự đã có sự bình đẳng trong việc bảo vệ các loại hình sở hữu trong nhà nước. Đây chính là sự đánh dấu một bước quan trọng về phát triển của khoa học pháp lý trong nhà nước pháp quyền với những đòi hỏi về đảm bảo quyền bình đẳng của mọi thành phần sở hữu.

Về chế định tội trộm cắp tài sản, nếu như trước đây chế định này được coi là một trong những quy phạm có cấu thành hình thức khi không cần xác định giá trị tài sản thì đến khi Bộ luật hình sự 1999 ra đời đã một phần khắc phục được nhược điểm này. Nghĩa là, đã xác định giá trị tài sản là một trong những yếu tố quan trọng trong việc xác định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản. Mặc dù, việc xác định giá trị tài sản cũng gây ra những tranh cãi nhất định đặc biệt đối với các loại tài sản có giá trị trừu tượng nhưng đối với một nền khoa học hình sự trong nền kinh tế bước đầu tham gia hội nhập thì việc lượng hóa giá trị tài sản mang ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tội danh, nhằm tránh việc định tội danh quá trừu tượng sẽ khó đảm bảo nguyên tắc xét xử có lợi cho người phạm tội.



Về vấn đề sửa đổi mức độ giá trị tài sản từ mức tối thiểu 500 nghìn lên 2 triệu đồng của Bộ luật hình sự 1999 trong lần sửa đổi, bổ sung năm 2009 là một trong những điều chỉnh phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của các điều kiện thực tế xã hội và các yêu cầu thực tế đặt ra.

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**2.1. Khái quát về thực tiễn tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015**

Với vị trí địa lý là một huyện nằm phía Nam trung tâm thành phố Hà Nội, là nơi cửa ngõ của trung tâm Thủ đô, đồng thời là nơi có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Do đó, các vấn đề xã hội, đặc biệt là các tội xâm phạm sở hữu cũng luôn song hành với sự phát triển của kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, do công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cũng như công tác nắm địa bàn tốt, trong những năm qua tình hình tội phạm, đặc biệt là các tội về trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín không có sự gia tăng mà chỉ luôn dao động từ khoảng 20 vụ/năm.

Cụ thể theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, về tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trong những năm qua được thể hiện qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 1: Số liệu về số lượng các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015.

STT	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
	22	31	20	25	20	32	19	24	19	23

<b>Trung bình người/vụ</b>	1,4	1,25	1,6	1,3	1,2
----------------------------	-----	------	-----	-----	-----

(Số liệu của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội)

Qua bảng số liệu trên có thể thấy, số vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín trong 5 năm vừa qua, từ năm 2011 đến năm 2015 luôn duy trì ở mức độ ổn định, trung bình khoảng 20 vụ/năm và không có sự gia tăng hay sụt giảm mang tính đột biến.

Về cơ cấu đồng phạm trong vụ án trộm cắp tài sản trung bình là 1,36 người/vụ. Được thể hiện qua bảng số liệu như sau:

Bảng 2: Số liệu về số vụ trộm cắp tài sản có sự tham gia của đồng phạm trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015.

<b>STT</b>	<b>Năm 2011</b>		<b>Năm 2012</b>		<b>Năm 2013</b>		<b>Năm 2014</b>		<b>Năm 2015</b>	
	Số vụ	Số vụ có đồng phạm	Số vụ	Số vụ có đồng phạm	Số vụ	Số vụ có đồng phạm	Số vụ	Số vụ có đồng phạm	Số vụ	Số vụ có đồng phạm
	22	7	20	4	20	6	19	5	19	3
Tỷ lệ vụ cướp tài sản có đồng phạm	32%		20%		30%		26%		16%	

(Số liệu của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội)

Qua bảng số liệu về cơ cấu đồng phạm trong mỗi vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, chúng ta thấy tỷ lệ số vụ có đồng phạm trong

5 năm qua trung bình chiếm 24.8%/vụ. Bảng số liệu cũng chứng tỏ rằng tình hình phạm tội đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn chủ yếu là những vụ phạm tội nhỏ lẻ, các vụ án có đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức chiếm những tỷ lệ khá ít ỏi. Qua số liệu đó cũng đã cung cấp cho chúng ta thấy các vụ án trộm cắp có tính chuyên nghiệp trên địa bàn cũng không đáng kể. Điều này phản ánh tính ổn định về chính trị - xã hội của địa bàn ít nhất đối với phạm vi của tội trộm cắp tài sản.

Trên đây là những con số về tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín từ năm 2011 đến năm 2015.

## **2.2. Thực tiễn định tội danh tội Trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội**

### ***2.2.1. Thực tiễn định tội danh tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội***

Định tội danh được hiểu là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu của một tội phạm cụ thể nào đó trong số các tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự.

Hiện nay quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự với cơ cấu 5 khoản (từ 1 đến 5) với 11 điểm (khoản 2, 7 điểm; khoản 3, 2 điểm; khoản 4, 2 điểm) mức khung hình phạt thấp nhất là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm (khoản 1) và khung hình phạt cao nhất là đến chung thân (khoản 4). Về cơ cấu hình phạt, các hình phạt trong tội trộm cắp tài sản được sắp xếp theo mô típ chung đó là mức hình phạt tăng dần từ khoản 1 đến các khoản tiếp theo và khung hình phạt cao nhất của tội này thuộc khoản 4; khoản 5 là quy định về hình phạt bổ sung. Theo đó có thể thấy, khoản 1 quy định về các trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Khoản 2 quy định đối với những hành vi phạm tội tới mức độ nghiêm trọng. Khoản 3 quy định đối với

những hành vi phạm tội tới mức độ rất nghiêm trọng. Khoản 4 quy định về hành vi phạm tội đến mức độ đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng (khoản 5).

Căn cứ vào các quy định của các khoản trong Điều 138 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản tác giả thấy một số vấn đề như sau:

- Về khoản 1, Điều 138 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Vấn đề đặt ra ở đây có một số trường hợp như: người phạm tội trước đó cũng đã thực hiện hành vi vi phạm đối với một chủ thể khác có giá trị dưới 2 triệu đồng nhưng chưa bị phát hiện và cũng chưa xử phạt vi phạm hành chính, và ngay trong quá trình điều tra thì phát hiện ra hành vi của bị cáo. Vậy có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo hay không, nếu trường hợp xác định tài sản do bị cáo thực hiện lần này cũng dưới 2 triệu đồng nhưng tổng hợp cả 2 lần thì tài sản lại có giá trị trên 2 triệu đồng. Về mặt lý thuyết rõ ràng không thể xử lý các trường hợp như vậy vì không đủ các yếu tố cấu thành của điều luật. Tuy nhiên, trên thực tế nhiều Tòa án lại tổng hợp nó thành trường hợp có nhiều bị hại nên vẫn có thể xử lý đối với bị cáo. Xét về mặt thực tế rõ ràng điều này có thể chấp nhận và được xem là hợp lý nhưng từ phương diện lý thuyết thì hướng xử lý vụ án như vậy đã vi phạm một trong những nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự, đó là nguyên tắc xử lý có lợi cho người phạm tội.

Hay trường hợp mặc dù người phạm tội trước đó đã bị kết án và chưa được xóa án tích nhưng sau đó lại tái phạm nhưng ở mức độ rất nhẹ (theo

nhìn nhận từ phía tác giả), đáng ra chỉ nên xử phạt hành chính nhưng vì vướng vào quy định ở mức độ khá chung tại khoản 1 của điều luật này đã khiến cho người phạm tội bị kết án.

*Ví dụ*, tại bản án số: 46/2015/HSST, ngày 7/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín [19] khi xét xử bị cáo Phí Văn Tuấn, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1998, thường trú tại: khu 2, thị trấn Phú Thụ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương lấy trộm 01 điện thoại di động Nokia 1280, trị giá 215.000 đồng để lấy tiền lộ phí về quê. Theo tác giả cho rằng với giá trị tài sản như vậy cũng như hoàn cảnh của người phạm tội chỉ nên xem xét trách nhiệm hành chính đối với người thực hiện hành vi đó. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thấy rằng năm 2012 UBND huyện Kinh Môn, Hải Dương đã xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thì ra trường (không nêu rõ lý do đưa vào trường), đến ngày 8 tháng 01 năm 2014 thì ra trường; Năm 2014 Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xử phạt 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt 01/3/2015. Tuy nhiên, khoảng 10h00, ngày 1/3/2015 sau khi làm thủ tục ra trại tạm giam số 02, Công an thành phố Hà Nội, Tuấn đi bộ ra quốc lộ 1A để bắt xe về nhà (do không có tiền), trong lúc chờ xe Tuấn đã vào nhà bà Phương trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 trị giá 215.000 đồng. Do Tòa án nhân dân huyện Thường Tín cho rằng:

- Xét thấy tính chất vụ án là nghiêm trọng bởi: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần đưa vụ án ra xét xử để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung;

- Xét về nhân thân bị cáo vừa ra trại (tiền án về tội trộm cắp) lại tiếp tục phạm tội nhưng không tính tái phạm vì trộm cắp tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng coi là có nhân thân xấu nên cần xem xét nghiêm khắc, cách ly bị cáo

khỏi xã hội. Nhưng xét bị cáo phạm tội ở tuổi vị thành niên nên, sau khi phạm tội thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã thu hồi trả người bị hại, bị cáo có hoàn cảnh éo le, không xác định được bố, mẹ đã mất là những tình tiết quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên căn cứ Điều 69, 74 khi quyết định hình phạt. Sau khi phạm tội này, bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2015 chưa xét xử nên không tính là tái phạm nguy hiểm nhưng cũng cần xem xét về nhân thân khi quyết định hình phạt.

Từ những căn cứ như vậy, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã tuyên bố và ra quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Phí Văn Tuấn phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phí Văn Tuấn 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 02 ngày tạm giữ từ 02 đến 03 tháng 3 năm 2015.

Qua nghiên cứu vụ án này tác giả thấy rằng, về mặt pháp lý, các cơ quan tiến hành tố tụng định tội danh đối với bị cáo là hoàn toàn đúng dựa trên các căn cứ pháp luật. Nghĩa là các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý vụ án đã định tội danh của bị cáo theo đúng những mô tả của Điều 138 BLHS về tội trộm cắp tài sản đó là: *có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm* [13, Khoản 1, Điều 138]... Các dấu hiệu như vậy rõ ràng đã thỏa mãn các dấu hiệu mô tả của điều luật. Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ pháp luật cũng nên cần có những giới hạn mức độ tối thiểu một cách cụ thể hơn thì có lẽ hợp lý hơn. Ví dụ nên quy định: *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc (từ một triệu đến) dưới hai triệu*

*đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng... thì có lẽ hợp lý hơn. Bởi trong trường hợp trên, rõ ràng người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội với mức độ thiệt hại là không đáng kể (215.000 đồng) và mục đích là lấy tiền lộ phí về quê bởi hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn (không xác định được cha, mẹ đã chết) từ những hoàn cảnh như vậy nhưng áp vào điều luật rõ ràng hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng từ phương diện xã hội có lẽ cũng cần cân nhắc đến những yếu tố hoàn cảnh của người phạm tội và một trong những giải pháp khả thi nhất có lẽ cụ thể hóa hơn về mức độ của khung hình phạt để những người áp dụng pháp luật dễ dàng hơn trong việc định tội danh. Trong trường hợp này, khi Viện Kiểm sát đã đề nghị khởi tố vụ án, đối với Tòa án mặc dù có xem xét các yếu tố khác thì cũng khó có thể thuyết phục được Viện Kiểm sát chấp nhận vì rõ ràng các yếu tố cấu thành hoàn toàn phù hợp với các quy định trong điều luật. Cụ thể là, nó đã thỏa mãn đầy đủ các tiêu chí pháp lý trong việc định tội danh đối với người phạm tội như: các quy định của BLHS, các quy định pháp luật hình sự, các yếu tố cấu thành...*

### ***2.2.2. Thực tiễn định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trong trường hợp xung đột quy phạm trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội***

Trong pháp luật hình sự nước ta hiện nay, xung đột quy phạm đang diễn ra khá phổ biến ở nhiều tội danh trong BLHS. Xung đột pháp luật diễn ra không chỉ trong phạm vi các khoản trong cùng một điều luật, các điểm trong cùng một khoản mà còn xung đột giữa các điều luật khác nhau. Vì theo nguyên tắc của pháp luật hình sự thì một hành vi phạm tội chỉ có thể bị xử lý bởi một hình phạt, chính vì vậy mặc dù có một số dấu hiệu thỏa mãn một số quy định cùng một lúc nhiều cấu thành nhưng những người định tội danh chỉ được phép lựa chọn một trong số các tội danh đó để áp dụng.



Đối với các trường hợp xung đột về định tội danh trong cùng một điều luật thì phương án được các cơ quan tiến hành tố tụng ưa thích nhất đó là xem xét xem điều luật nào có dấu hiệu mô tả rõ ràng nhất, gần gũi nhất với hành vi phạm tội thì sẽ được đem ra áp dụng. Đối với các quy phạm xung đột nhưng không cùng điều luật thì cơ quan nào thấy căn cứ, lập luận của mình thuyết phục hơn sẽ áp dụng. Thực tiễn trên địa bàn huyện Thường Tín đã có trường hợp Tòa án và Viện kiểm sát không thống nhất được quan điểm với nhau trong định tội danh và mỗi bên cũng bảo vệ quan điểm của mình.

Cụ thể, Trong bản án số: 39/2015/HSST, ngày 11/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín [20]: Vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 9h00, ngày 24/12/2015 anh Phạm Ngọc Thắng, sinh năm 1994 đến quán Internet Tuấn béo (Đỗ Đức Tuấn) địa chỉ 376 Trần Phú, thị trấn Thường Tín chơi game. Khi đến anh Thắng có mang theo 01 điện thoại di động Iphone 5S để trong túi áo khoác phía bên trái và ngồi ở máy tính số 7 để chơi điện tử. Đến khoảng 11h cùng ngày thì máy điện thoại của anh Thắng bị rơi xuống đất. Lúc này, Mai Đình Tiến là người trông coi thuê cho quán Internet do anh Tuấn làm chủ quán, đang ngồi ở máy chủ phía sau ghé anh Thắng ngồi, nghe tiếng động quay lại phát hiện ra chiếc điện thoại bị rơi trên sàn nhà, nên Tiến nảy sinh ý định ăn trộm cắp. Sau khi quan sát xung quanh thấy mọi người đang mải mê chơi điện tử, Tiến đã đứng dậy đi đến chỗ anh Thắng ngồi rồi cúi xuống nhặt lấy điện thoại và cho vào túi áo khoác và quay lại chỗ máy chủ ngồi, đồng thời tắt nguồn điện thoại để tránh bị phát hiện. Đến khoảng 11h30' cùng ngày anh Thắng kiểm tra thấy mất điện thoại, nên đã hỏi Tiến và mọi người xung quanh không ai nhận. Anh Thắng đã trình báo với cơ quan điều tra công an huyện Thường Tín giải quyết. Đến 17h00 cùng ngày Tiến đến cơ quan điều tra cơ quan huyện Thường Tín đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi

phạm tội của mình và giao nộp điện thoại trên cho cơ quan điều tra công an huyện Thường Tín.

Ngày 26/12/2014, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thường Tín đã họp và kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S bản 16Gb, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng được đưa vào sử dụng từ năm 2013 của anh Thắng có giá trị 12.000.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Tiến về tội: “trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự. Ngày 13/4/2015 Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 04/2015/HSST – QĐ, đề nghị thay đổi tội danh truy tố đối với bị cáo Tiến. Ngày 14/4/2015 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín đã có Công văn số: 18/CV-VKSTT, nội dung giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Tiến về tội: “trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 138 của Bộ luật hình sự và theo Điều 196 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án có thể xét xử bị cáo Tiến về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Cuối cùng Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã áp dụng khoản 1, Điều 141; điểm b, h, p, g, khoản 1, Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Mai Đình Tiến phạm tội: *Chiếm giữ trái phép tài sản*, và xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Qua thực tế trên có thể thấy, trong trường hợp xung đột quy phạm trên rõ ràng nếu xem xét một cách chi tiết các hành vi và các yếu tố cấu thành thì Tòa án và Viện kiểm sát có quan điểm khác nhau về hành vi lén lút lấy trộm tài sản không diễn ra mà chỉ xảy ra trường hợp người chủ tài sản không còn kiểm soát tài sản của họ. Tuy nhiên, trường hợp này Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm của mình cũng có phần đúng đắn khi họ đồng ý để Tòa án ra phán quyết nhưng với điều kiện là phải xử với tội danh bằng hoặc nhẹ hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Quyết định như vậy rõ ràng cũng phù hợp và đáp

ứng yêu cầu của pháp luật hình sự là phải áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội.

Về định tội danh theo các yếu tố cấu thành, đây cũng là một vấn đề có tính xã hội hiện nay, đó là cân nhắc trường hợp chuyển đổi tội danh trong tội trộm cắp tài sản ở nước ta hiện nay. Cụ thể, hiện có rất nhiều vụ án liên quan đến ăn trộm chó, có những con chó được định giá chưa đến mức độ truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, đối với những con chó cảnh có giá trị lên đến hàng trăm triệu đồng đây cũng là vấn đề khó khăn trong cách giải quyết. Cụ thể, trong Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP, ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của BLHS thì giá trị tài sản được xác định theo giá thị trường tại địa phương đã gây ra những khó khăn trong áp dụng. Giả sử có những con chó có giá trị lớn được người chủ mua từ nước ngoài về nhưng định giá theo giá địa phương chắc cũng tính ra kg thịt thì có lẽ chưa phù hợp.

Hay những trường hợp đối với tội phạm này là thường xuyên sử dụng các vật dụng có tính nguy hiểm cao như súng điện, thuốc gây mê. Trong nhiều trường hợp bị truy đuổi người phạm tội sẵn sàng sử dụng hung khí để đe dọa cũng như chống lại những người truy đuổi và không ít trường hợp đã bị những đối tượng này làm thiệt hại đến cả sinh mạng. Vấn đề ở đây không phải là việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với người phạm tội khi có hậu quả xảy ra trên thực tế mà là, khi sử dụng những phương tiện gây án như vậy thì không nên coi đây là những người phạm tội trộm cắp tài sản mà phải định tội danh đối với tội cướp tài sản nếu có người quản lý tài sản ở đó. Thực tế cho thấy nhiều vụ án, người dẫn chó đi dạo cách gần ngay đó nhưng vẫn bị những kẻ trộm chó câu trộm ngay trước mắt. Trong nhiều trường hợp chủ chó thấy như vậy cũng không dám đuổi theo hoặc can thiệp vì sợ hung khí của người thực hiện hành vi phạm tội. Bởi trong cấu thành của tội cướp tài sản thì

hành vi đe dọa ngay tức khắc sử dụng vũ lực là một trong những yếu tố cấu thành của tội cướp tài sản. Tuy nhiên, trong trường hợp này hung khí do những người phạm tội sử dụng được lý giải là sử dụng bất trộm chó chứ không phải để thực hiện hành vi cướp tài sản của chủ tài sản nhưng rõ ràng với tính chất nguy hiểm của phương tiện phạm tội như vậy rõ ràng nó luôn gây đe dọa đối với chủ quản lý tài sản.

Ví dụ thực tế trường hợp: Vụ việc xảy ra vào khoảng 20h ngày 24/7/2016, trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội trong lúc ông Tuấn đang thả con chó của gia đình ra ngoài cho đi vệ sinh thì bất ngờ hai thanh niên lạ mặt điều khiển xe máy phân khối lớn lao đến dùng dụng cụ bắt gọn.

Phát hiện chó của nhà bị câu mất, ông Tuấn ở trong nhà liền chạy ra đuổi theo. Khi bắt kịp được hai tên trộm, chủ nhà giằng co rồi quật ngã chúng xuống đất. Bất ngờ, một trong hai cầu tặc rút dao nhọn đâm một nhát vào ngực khiến ông Tuấn gục ngay tại chỗ.

Sau khi ông Tuấn bị đâm, người dân đã đưa nạn nhân vào bệnh viện Đa khoa huyện Thường Tín cấp cứu, tuy nhiên nạn nhân đã tử vong vào sáng sớm hôm sau. [32]

Tuy nhiên, cũng có lập luận cho rằng việc con chó thả rông chạy cạnh người đi dạo đó cũng không chứng minh một cách chắc chắn đó là chó của người đó mà có thể là những con chó cùng địa bàn. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp pháp luật cũng cần xác định một cách cụ thể hơn bằng những giả định có tính thực tiễn cao hơn. Ví dụ, trong trường hợp này mặc nhiên coi đó là hành vi cướp tài sản.

Qua nghiên cứu thực tiễn về định tội danh đối với tội trộm cắp trên địa bàn huyện Thường Tín Hà Nội của các cơ quan tiến hành tố trong những năm vừa qua tác giả thấy rằng: Việc định tội danh đối với các tội phạm về trộm

cấp tài sản do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện là khá thống nhất. Theo nghiên cứu của tác giả chỉ duy nhất 1 lần Tòa án thay đổi tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín đó là năm 2015. Tại bản án số 39/2015/HSST, ngày 11/6/2015 [20]. Đối với bị cáo Mai Đình Tiên trong ví dụ trên.

Bảng 3: Tội danh do các cơ quan tiến hành tố tụng xác định đối với các vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015

<b>Năm</b>	<b>Tổng số vụ</b>	<b>Cơ quan điều tra định tội danh về tội trộm cắp tài sản</b>	<b>Viện kiểm sát định tội danh về tội trộm cắp tài sản</b>	<b>Tòa án định tội danh về tội trộm cắp tài sản</b>
<b>2011</b>	22	22	22	22
<b>2012</b>	20	20	20	20
<b>2013</b>	20	20	20	20
<b>2014</b>	19	19	19	19
<b>2015</b>	19	19	19	18

(Số liệu của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội)

### **2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội**

#### ***2.3.1. Những kết quả đạt được trong quyết định hình phạt của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội***

Qua nghiên cứu tình hình thực tiễn về cơ cấu các khung hình phạt được Tòa án nhân dân huyện Thường Tín áp dụng trong những năm vừa qua tác giả thấy rằng, cơ cấu về việc áp dụng các khung hình phạt của các cơ quan tiến

hành tố tụng áp dụng đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến năm 2015 như sau:

Năm	Tổng số BC	CTTP cơ bản	Cấu thành tội phạm tăng nặng				HPBS
		Khoản 1	Khoản 2	Khoản 3	Khoản 4	Khoản 5	
2011	22	20	2	0	0	3	
2012	20	17	3	0	0	4	
2013	20	16	4	0	0	2	
2014	19	17	2	0	0	3	
2015	19	16	3	0	0	2	
Tỷ lệ (%)		86%	14%	0%	0%	14%	

- Đối với khoản 1, Điều 138 là điều khoản hay được các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng trên địa bàn. Cụ thể có đến 86% vụ án trên địa bàn được khởi tố với khoản 1 Điều 138, đây là điều khoản có khung hình phạt nhẹ nhất trong Điều 138 (ngoại trừ khung hình phạt bổ sung tại khoản 5). Điều này cho thấy rằng thực trạng các tội phạm về trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín xảy ra với mức độ ít nghiêm trọng và không mang tính chất nguy hiểm cao cho xã hội. Bên cạnh đó, việc thể hiện tình hình tội phạm như vậy cũng thấy được tình trạng ổn định xã hội trên địa bàn. Các vụ trộm cắp tài sản mặc dù là vẫn diễn ra nhưng cũng không quá nhiều, trung bình 20 vụ/ năm và 1,65 vụ/tháng.

- Về khoản 2, Điều 138 đây là một trong 2 điều khoản chủ yếu được áp dụng trong quá trình định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn,

theo bảng thống kê cho thấy tỷ lệ áp dụng điều khoản này là 14%. Mặc dù đối với điều khoản này thì mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với khoản 1 nhưng tỷ lệ áp dụng khoản này trên địa bàn huyện Thường Tín cũng cho thấy nó chỉ chiếm một tỷ lệ thấp đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn. Điều này nó cũng củng cố cho nhận định về tình hình tội phạm trên địa bàn ở trên.

### ***2.3.2. Những hạn chế trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội***

- Đối với khoản 3 và 4 qua phân tích về cơ cấu tình hình tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín thì trong 5 năm qua hai điều khoản này chưa một lần được áp dụng trong quá trình định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân như sau:

+ Thứ nhất, đối với khoản 3 việc cơ quan tiến hành tố tụng không tiến hành định tội danh theo điều khoản này chứng tỏ rằng các hành vi phạm tội trên địa bàn chưa đến mức phải xử lý bằng điều khoản đó.

+ Thứ hai, đối với khoản 4, đây là điều khoản có khung hình phạt nặng nhất trong Điều 138 và khung hình phạt cao nhất của nó là chung thân. Chính vì vậy, xét về mặt thẩm quyền, việc định tội danh đối với các hành vi phạm tội của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện là vượt thẩm quyền. Cho nên, việc trong thời gian qua không có hành vi nào trên địa bàn bị các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện định tội danh đối với điều khoản này hoàn toàn là điều dễ hiểu và đúng quy định của pháp luật.

Bảng 4: Cơ cấu về các khoản áp dụng trong định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản theo điều 138 BLHS tại Tòa án nhân dân huyện Thường Tín từ năm 2011 đến năm 2015

Năm	Tổng số BC	CTTP cơ bản	Cấu thành tội phạm tăng nặng				HPBS
			Khoản 1	Khoản 2	Khoản 3	Khoản 4	
2011	22	20	2	0	0	3	
2012	20	17	3	0	0	4	
2013	20	16	4	0	0	2	
2014	19	17	2	0	0	3	
2015	19	16	3	0	0	2	
<b>Tỷ lệ (%)</b>		86%	14%	0%	0%	14%	

(Số liệu của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội)

Trên đây là những kết quả và hạn chế trong đấu tranh phòng và chống tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

## Kết luận chương 2

Từ những nghiên cứu về thực trạng và những kết quả, hạn chế trong đấu tranh phòng, chống, tội trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội có thể rút ra một số kết luận như sau:

Về các quy định của pháp luật hình sự trong đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản cũng cần có sự điều chỉnh một cách phù hợp với việc định lượng cụ thể hơn nữa (ví dụ, mức pháp luật nên quy định mức thấp nhất của giá trị tài sản phải từ 1 triệu đồng đối với các trường hợp đã phạm tội chưa



được xóa án tích hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính). Bởi đôi khi chúng ta không không chế mức thấp nhất của thiệt hại thì sẽ dẫn đến những hành vi thậm chí chỉ rơi vào mức trung bình trong xử phạt hành chính lại có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với các điều khoản quy định về giá trị tài sản cần định giá, đối với nhiều tài sản có tính đặc thù như tác phẩm nghệ thuật, hay các tài sản có giá trị tinh thần thì hội đồng định giá tại địa phương đôi khi không đáp ứng được yêu cầu. Do vậy, cần quy định đối với những tài sản đặc thù như trên cần có hội đồng định giá, thẩm định một cách chi tiết hơn. Ví dụ, một người đột nhập vào bảo tàng ăn trộm những bức tranh có giá trị kinh tế cao thì không thể tính với giá ngày công lao động bình thường hoặc giấy vụn bao tiền/1kg? Hoặc chó cảnh tính kg...

Đối với các tội phạm trộm cắp tài sản đây thực chất là các tội xâm phạm sở hữu, chính vì vậy trong đấu tranh phòng, chống các tội này pháp luật hình sự nước ta cũng nên tính đến việc quy định hình phạt tiền là hình phạt chính chứ không nhất thiết là hình phạt bổ sung nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Cần sửa đổi các điểm, khoản trong điều luật theo hướng tăng tính định lượng các giá trị tài sản hơn là xác định theo mô tả định tính. Bởi thực tế định tội danh đối với các tội phạm trên địa bàn huyện Thường Tín, tác giả thấy rằng những điều khoản được mô tả cụ thể luôn có xu hướng được lựa chọn áp dụng nhiều hơn các điều khoản có tính trừu tượng cao.

**CHƯƠNG 3**  
**CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG QUY ĐỊNH PHÁP**  
**LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI TRỘM CẤP TÀI SẢN**

**3.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội trộm cắp tài sản, những điểm mới và những vấn đề tranh luận**

***3.1.1. Quy định của BLHS năm 2015 về tội trộm cắp tài sản***

Hiện nay Bộ luật hình sự năm 2015 của nước ta đã được thông qua và lẽ ra đã có hiệu lực vào ngày 1/7/2016, tuy nhiên do có những sai sót trong kỹ thuật lập pháp nên đã bị tạm đình chỉ. Để góp phần làm rõ thêm những quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội trộm cắp tài sản, tác giả xin giới thiệu những quy định về tội trộm cắp tài sản theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015. Theo đó, Tội trộm cắp tài sản được quy định tại: Điều 173 BLHS năm 2015, quy định vẫn thành 5 khoản nhưng với 16 điểm (so với 11 điểm của BLHS 1999) như sau:

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

*d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*a) Có tổ chức;*

*b) Có tính chất chuyên nghiệp;*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

*d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; đ) Hành hung để tẩu thoát;*

*e) Trộm cắp tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;*

*g) Tái phạm nguy hiểm.*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;*

*b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;*

*c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.*

*4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;*

b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

### **3.1.2. Những điểm mới trong quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 so với Bộ luật hình sự 1999 về tội trộm cắp tài sản gồm:**

Trước tiên về số lượng khoản và điểm trong Điều luật, về số khoản vẫn giữ nguyên là 5 khoản. Tuy nhiên, số điểm quy định tăng 6 điểm từ 11 lên 16 điểm (tăng 5 điểm). Cụ thể, trong khoản 1, Điều 138, BLHS 1999 không có điểm nào, nhưng trong khoản 1 Điều 173, BLHS 2015 bao gồm 4 khoản từ khoản a đến khoản d. Trong khoản 2 Điều 138, bao gồm 7 điểm (từ điểm a đến điểm g và có điểm đ) thì khoản 2 Điều 173 bao gồm 6 điểm (cũng quy định từ điểm a đến điểm g, nhưng không có điểm đ). Đối với khoản 3 Điều 138, bao gồm 2 điểm là điểm a và điểm b, thì khoản 3 Điều 173 bao gồm 3 điểm từ a đến c. Tương tự, khoản 4 Điều 138 cũng gồm 2 điểm a và b thì khoản 4 Điều 173 bao gồm 3 điểm a, b, c. Đây là những điểm mới về số lượng các điểm trong các khoản của Điều luật giữa BLHS 1999 với BLHS 2015.

Điểm mới thứ hai: Cũng như tại các điều luật quy định ở các chương khác, đối với tội trộm cắp tài sản của BLHS năm 2015 không sử dụng từ mà sử dụng các con số đếm. Tại khoản 1 kết cấu được phân chia thành 04 (bốn) mục là a, b, c, d.

Với tình trạng trộm cắp các loại tài sản dưới 2.000.000 đồng nhưng gây tâm lí hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm lí của người dân, tính chất manh động của tội phạm trong thời gian qua có xu

hướng gia tăng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, nhằm răn đe tội phạm, chấn chỉnh trật tự xã hội khoản 1 Điều 137 BLHS năm 2015 bổ sung thêm 02 trường hợp đối với những hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng vẫn phạm tội trộm cắp tài sản là:

“c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại”.

Thứ ba: Bỏ các tình tiết định khung “g) Gây hậu quả nghiêm trọng; Gây hậu quả rất nghiêm trọng; Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 138 BLHS năm 1999.

Thứ tư: Tại khoản 2, tình tiết định khung “e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” tại BLHS năm 1999 được sửa đổi như sau: e) Trộm cắp tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này”. Đồng thời bổ sung thêm tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm”.

Tại khoản 3 bổ sung thêm 02 tình tiết định khung “b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh”.

Thứ năm: Tại khoản 4 bỏ hình phạt tù chung thân mức hình phạt tù được áp dụng như quy định của BLHS năm 1999 là từ 12 đến 20 năm. Nghĩa là bỏ hình phạt tù không thời hạn thành tù có thời hạn nhưng ở khung cao nhất của tù có thời hạn. Ngoài ra, bổ sung thêm 02 tình tiết định khung “b) Trộm cắp tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng

nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này; c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.”

### ***3.1.3. Về một số vấn đề tranh luận trong các quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015***

- Về tài sản là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản theo quy định BLHS năm 2015.

Để xác định tài sản là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản thì tài sản đó phải có đặc điểm nhất định. Trước hết, tài sản đó là tài sản của người khác, đang có sự quản lý. Tài sản là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản phải được thể hiện dưới dạng vật chất cụ thể có giá trị và giá trị sử dụng, Điều 163 BLDS năm 2005 quy định về tài sản: “1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.”

Tuy nhiên, không phải mọi loại tài sản như quy định của BLDS đều là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản. Qua thực tiễn nghiên cứu vấn đề tài sản là đối tượng của tội trộm cắp tài sản có thể xác định như sau:

\* Tài sản không phải là đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản” Thứ nhất, "Quyền tài sản" là một dạng tài sản vô hình, không nhìn thấy được, nó gắn liền với quyền nhân thân và cố định với một chủ thể cụ thể được pháp luật công nhận. Do đó, nó không thể bị dịch chuyển trái phép, bị chiếm đoạt bởi người khác được, vì về mặt pháp lý, “quyền tài sản” phải được pháp luật thừa nhận thì mới có giá trị.

Thứ hai: Tài sản là “bất động sản” có tính chất vật lý cố định, ví dụ như: đất đai, nhà cửa, ao hồ. Những loại tài sản này không thể là đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản” vì trong thực tế các loại tài sản không dịch chuyển được. Tuy nhiên, có một số động sản mà pháp luật dân sự quy định là bất động sản do công dụng của nó như: cánh cửa gắn với ngôi nhà; cây cối trồng trên vườn... thì vẫn là đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản”.

Thứ ba: Những tài sản sau tuy là động sản, nhưng cũng không thuộc đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản”:

- Tài sản vô chủ là loại tài sản mà chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

- Tài sản bị rơi, bị bỏ quên, thất lạc đây là những loại tài sản xa mà chủ sở hữu mất quyền trực tiếp nắm giữ, quản lý ngoài ý chí của mình.

- Những tài sản không có giá trị hoặc giá trị sử dụng như: nước biển, gió trời, không khí...

- Những giấy tờ có giá trị, nhưng không trực tiếp chuyển thành tiền được. Ví dụ như: Sổ tiết kiệm, hợp đồng mua bán, giấy nợ...

- Tài sản thuộc các loại có tính chất và công dụng đặc biệt. Ví dụ như: vũ khí quân dụng, ma túy, hàng cấm, máy bay, tàu thủy... Nếu người phạm tội trộm cắp những loại tài sản này thì tùy trường hợp mà phạm vào các tội danh cụ thể, có thể là tội Chiếm đoạt vũ khí quân dụng, Chiếm đoạt chất ma túy...

\* Tài sản là đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản” Tài sản được xác định là đối tượng của tội trộm cắp tài sản phải nằm trong sự quản lý của chủ sở hữu hoặc những người có trách nhiệm quản lý tài sản. Về mặt vật lý, tài sản là đối tượng tác động của tội “Trộm cắp tài sản” phải là một dạng vật chất cụ thể và tồn tại dưới dạng là một động sản, có thể nhìn thấy được và dịch chuyển được, có giá trị trên 2.000.000 đồng được xác định bao gồm:

- Là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của cá nhân, tổ chức, Nhà nước.

- Là tài sản phải đang trong vòng kiểm soát của chủ sở hữu, người quản lý tài sản.

- Là tài sản có giá trị hoặc giá trị sử dụng.

- Tài sản do chiếm hữu không hợp pháp. Ví dụ như: Tài sản do phạm tội mà có; tài sản có được do mua nhầm của kẻ gian...

Ngoài ra, còn có những loại tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng vẫn thuộc đối tượng của tội trộm cắp tài sản, bao gồm:

- Những loại tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình.

- Tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

Theo tác giả để xác định đúng đối tượng tài sản của tội trộm cắp tài sản theo quy định của BLHS năm 2015 cần có vài lưu ý như sau:

Thứ nhất: Căn cứ vào phong tục, tập quán và lối sống của người dân: Mặc dù các loại tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, thất lạc không phải là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản nhưng không phải trong mọi trường hợp những loại tài sản bị đánh rơi bỏ quên, thất lạc đặc biệt là các loại gia súc, gia cầm đều không phải là đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản mà khi xử lý cần xem xét, căn cứ vào phong tục tập quán, lối sống của người dân để xác định cho đúng.

Ví dụ: Thực tế hiện nay ở nước ta tại khu vực rừng của tiểu đoàn 604, 605 xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộc, Quảng Trị đang xác định là có 8 con trâu do người dân thả theo tập quán chăn nuôi của người đồng bào dân tộc và số trâu này đang gây ra nhiều vụ tấn công người đi đường [30]. Tình huống đặt ra là, có người thấy vậy liền bắt 01 con để làm thịt đem bán. Tại kết luận định giá tài sản xác định giá trị con trâu là 4.000.000 đồng”. Trong trường hợp này có ý kiến cho rằng những con trâu này là tài sản bị thất lạc, xa rời sự quản lý của chủ sở hữu nên người đó không phạm tội trộm cắp tài sản.

Tuy nhiên, trong trường hợp trên cần xác định rằng nếu khu vực trên việc thả trâu là phong tục, tập quán của bà con dân tộc được duy trì từ lâu thì những con trâu đó không phải là tài sản bị thất lạc, xa rời sự quản lý của chủ sở hữu mà đó vẫn là tài sản thuộc đối tượng tác động của tội trộm cắp tài sản.



Thứ hai: Xác định đúng mục đích chiếm đoạt tài sản: Đây là yếu tố cấu thành bắt buộc trong tội trộm cắp tài sản. Chiếm đoạt hiện nay tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, nhưng tất cả các quan điểm đều có nội dung cho rằng “Chiếm đoạt là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp – có thể là dịch chuyển về mặt pháp lý, có thể là về mặt thực tế, trong đó người chiếm đoạt đã sử dụng biện pháp, phương thức không được pháp luật cho phép tước bỏ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản đang thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp của người đó”. Theo như khái niệm trên thì mọi hành vi dịch chuyển tài sản bất hợp pháp đều phạm tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, thực tế cần phải xem xét nhiều yếu tố khác có liên quan.

Ví dụ: Nguyễn Thị B và Hoàng Văn C là sinh viên của trường đại học M, ngày 13/4/2015, B và C đến thuê trọ tại nhà anh Nguyễn Văn (A) hợp đồng thuê là 03 tháng, tiền thuê là 1.500.000 đồng, sau khi đóng tiền tháng đầu do phải đi thực tập dài ngày nên B và C chưa đóng tiền thuê trọ tháng sau cho anh A, khi đến hạn đóng tiền phòng nhưng không thấy B đến đóng, anh A gọi điện thoại cho B nói “Nếu không đóng tiền sẽ phá khóa phòng lấy tài sản”.

Do nghi ngờ B và C đã chuyển nhà trọ, khoảng 20h30 phút ngày 6/5/2015, A phá khóa phòng của B và C lấy 01 chiếc máy tính laptop HP, ngày 08/5/2015 khi B và C về thì phát hiện cửa phòng bị phá khóa và mất chiếc máy tính liền báo cho A, nhưng A nói đã lấy máy tính và bắt B và C phải đóng 02 tháng tiền trọ là 3.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng mới trả máy tính. Tại kết luận định giá tài sản chiếc máy tính có giá 4.000.000 đồng. Có ý kiến cho rằng A đã có hành vi lén lút, lợi dụng lúc chủ sở hữu tài sản không quản lý đã chiếm đoạt tài sản nên hành vi của A phạm tội trộm cắp tài sản.

Tuy nhiên trong trường hợp trên cần phải xác định rằng mục đích của A không phải là chiếm đoạt tài sản mà việc lấy chiếc máy tính đó là để buộc B

và C phải đóng số tiền thuê phòng còn thiếu như thỏa thuận trong hợp đồng, hành vi của A không có mục đích chiếm đoạt, vì vậy A không phạm tội trộm cắp tài sản. Với những loại tài sản là đối tượng của tội trộm cắp tài sản tuy nhiên người thực hiện hành vi đó không có mục đích chiếm đoạt thì người đó không phạm tội. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án trộm cắp tài sản việc xác định mục đích chiếm đoạt là vô cùng quan trọng nhằm xác định đúng hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

Thứ ba: Việc xác định tài sản trộm cắp là phương tiện sống chính của người bị hại và gia đình thì tài sản đó phải là tài sản đặc biệt quan trọng, là chỗ dựa, phương tiện mưu sinh duy nhất của người bị hại và gia đình mà nếu mất đi tài sản đó thì người bị hại và gia đình lâm vào tình trạng khó khăn. Những sửa đổi, bổ sung của BLHS năm 2015 về tội trộm cắp tài sản là rất quan trọng góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đấu tranh phòng chống tội phạm đặc biệt là tội trộm cắp tài sản việc xác định những loại tài sản là đối tượng của tội trộm cắp là yêu cầu bức thiết đặt ra đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

### **3.2. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xử lý tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự nước ta hiện nay**

Theo thống kê của riêng Công an thành phố Hà Nội, trung bình mỗi năm có khoảng 4.000 vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn [31] và tỷ lệ khám phá thành công các vụ án trên địa bàn trong thời gian qua mới chỉ chiếm tỷ lệ khá thấp 35%. Thực tiễn qua nghiên cứu cho thấy, tình hình tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra thường do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Sự mất cảnh giác của chủ tài sản. Qua khảo sát các vụ án cho thấy, rất nhiều người dân còn lơ là, thiếu cảnh giác, chưa có ý thức tự bảo quản tài sản của mình, còn chủ quan.

- Sự hoạt động kém hiệu quả của các lực lượng chức năng trong việc áp dụng những biện pháp phòng ngừa, điều tra khám phá tội phạm.

- Do tác động của các yếu tố tiêu cực của xã hội: Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường cũng gây ra những tác động tiêu cực đến người dân. Một bộ phận người dân – đặc biệt là giới trẻ lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ nên tìm cách trộm cắp tài sản... để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Nếu coi tỷ lệ các vụ trộm cắp tài sản của cả nước tương đương với con số thống kê như của Công an thành phố Hà Nội, rõ ràng chúng ta mới chỉ phát hiện được 35% số vụ trộm cắp diễn ra trên cả nước. Và trong số đó chắc chắn số vụ án được đưa ra xét xử sẽ chiếm một tỷ lệ thấp hơn vì có những vụ án không đủ điều kiện xét xử như không đảm bảo các dấu hiệu chủ quan, khách quan... trong định tội danh đối với người phạm tội.

Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới trước hết là trong việc điều tra tội phạm phải đạt được hiệu quả cao để từ đó mới có căn cứ khởi tố các vụ án trộm cắp tài sản. Đây là nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất trong đấu tranh với tội trộm cắp tài sản ở nước ta hiện nay.

Tiếp đến đối với hoạt động kiểm sát, trong chủ trương hiện nay về cải cách tư pháp mặc dù pháp luật đã quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhưng ở mức độ hạn chế. Đó là: *Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp Viện kiểm sát huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của các cơ quan quy định tại khoản này và trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu khởi tố vụ án* [14, Điều 104]. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả cần mở rộng hơn nữa thẩm quyền khởi tố các vụ án hình sự của Viện kiểm sát trong tất cả các trường hợp nếu thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Và thẩm quyền này bao trùm lên cả thẩm quyền của cơ quan điều tra, Thủ trưởng đơn vị Bộ đội biên phòng, cơ quan Hải quan,

Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biên và Thủ trưởng các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân...

Bởi theo kinh nghiệm nhiều quốc gia trên thế giới, rõ ràng cơ quan Viện kiểm sát chính là cơ quan đại diện cho nhà nước thực hiện quyền công tố và là cơ quan có quyền khởi tố mọi vụ án hình sự và có quyền yêu cầu các cơ quan điều tra trong phạm vi thẩm quyền phải thực hiện điều tra để chuyển đến Viện kiểm sát hoặc có thể Viện kiểm sát tự thực hiện điều tra độc lập, nếu làm được như vậy sẽ khiến cho mở rộng thêm đầu mối khởi tố đối với các vụ án nói chung và các vụ trộm cắp tài sản nói riêng và nó sẽ là kênh quan trọng trong đấu tranh với tội trộm cắp tài sản. Bởi nếu như cứ phát hiện vụ án, cơ quan Kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án và yêu cầu cơ quan điều tra phải thụ lý, điều tra vụ án và báo cáo kết quả sẽ khiến cho cơ quan điều tra phải cố gắng hơn nữa trong hoạt động của mình tránh tình trạng hiện nay là không phải chịu trách nhiệm trước các cơ quan kiểm sát như hiện nay.

Đối với hoạt động xét xử, trong đấu tranh với tội trộm cắp tài sản đây thực sự là một trong những tội xâm phạm sở hữu. Mặc dù là những hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng đối với loại tội này cũng nên căn cứ vào tính chất của vụ án mà lượng hình theo hướng cải tạo, giáo dục người phạm tội đặc biệt đối với các trường hợp khó khăn. Ngoài ra, trong hoạt động xét xử cần phải quan tâm nhiều đến vai trò của Hội thẩm nhân dân. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay nên sửa đổi quy định lựa chọn Hội thẩm nhân dân theo định kỳ hiện nay. Bởi tính chất của Hội thẩm nhân dân không phải là những người xét xử vụ án mà là những người đưa tiếng nói của xã hội vào quá trình xét xử. Cụ thể, đối với một vụ án xảy ra trên một địa bàn nhất định như trộm cắp vặt, thì cần lấy những người sống trên cùng địa bàn hiểu rõ phong tục, tập quán, hoàn cảnh của đối tượng để tham gia Hội thẩm và trong những trường hợp như vậy thì hỏi ý kiến của họ người phạm tội thực hiện hành vi như vậy

có phù hợp hay không. Có quá nguy hiểm cho địa bàn không, có gây những hậu quả xã hội xấu hay không... Từ đó Thẩm phán mới đưa ra những phán quyết có tính lượng hình...

Ngoài ra, trong hoạt động xét xử hiện nay cũng cần tăng cường tiếng nói của các luật sư bào chữa trong các vụ án hình sự nói chung và các vụ trộm cắp tài sản nói riêng để đảm bảo quyền lợi của người phạm tội.

### **3.3. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay về tội trộm cắp tài sản**

#### ***3.3.1. Hoàn thiện một số quy định và hướng dẫn đối với tội trộm cắp tài sản***

##### *3.3.1.1. Xây dựng chuẩn khái niệm về tội trộm cắp tài sản*

Trong số các tội có tính chất chiếm đoạt từ Điều 133 đến Điều 140 Bộ luật hình sự thì tội trộm cắp chưa được nêu khái niệm (mô tả hành vi) trong Điều luật. Đây cũng là nguyên nhân có nhiều ý kiến khác nhau khi đánh giá hành vi chiếm đoạt trong thực tiễn liên quan đến tội này và có sự nhầm lẫn giữa trộm cắp tài sản với một số tội có tính chất chiếm đoạt khác.

Cho nên, nhu cầu là phải nêu khái niệm của trộm cắp tài sản trong Điều 138 BLHS là cần thiết. Vấn đề đặt ra là khái niệm về trộm cắp tài sản cần đảm bảo những nội dung nào? Nghiên cứu khái niệm của các tội khác mà BLHS quy định tác giả thấy rằng, khái niệm của một tội cần phải nêu được những đặc trưng của tội đó mà từ đó có thể phân biệt tội đó với các tội khác có những dấu hiệu tương tự nhau. Các dấu hiệu đó có thể là hành vi, thủ đoạn thuộc mặt khách quan của tội phạm; chủ thể đặc biệt của tội phạm; lỗi, mục đích, động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của tội phạm hoặc khách thể, đối tượng tác động của tội phạm. Theo quan điểm thống nhất trong thực tiễn hiện nay thì việc phân biệt trộm cắp tài sản với các tội khác (chủ yếu là các tội có

tính chất chiếm đoạt) là dựa vào hành vi và thủ đoạn thuộc mặt khách quan của tội phạm. Đó là tính lén lút và hành vi chiếm đoạt.

Tuy nhiên, thực tiễn có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm của trộm cắp tài sản nhưng đa phần các ý kiến đều dựa vào hành vi thuộc mặt chủ quan của tội phạm để định nghĩa và đều thống nhất nhau về hành vi chiếm đoạt, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt là “có chủ”. Tuy nhiên, đối với tính lén lút thì có 02 quan điểm khác nhau cơ bản sau: (1) Quan điểm thứ nhất cho rằng, tính lén lút là thủ đoạn phạm tội. Đó là các định nghĩa: Trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút”, hoặc là “trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút”; (2) Quan điểm thứ hai cho rằng, tính lén lút là thuộc tính của hành vi chiếm đoạt. Đó là các định nghĩa: Trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đang có chủ, trộm cắp tài sản là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hoặc là trộm cắp là hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật.

Ngoài ra, còn có ý kiến cho rằng, “trộm cắp là dùng thủ đoạn lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý”. Tuy nhiên, quan điểm này chưa phù hợp bởi vì, mặc dù, có nêu đúng thủ đoạn của người phạm tội khi thực hiện hành vi nhưng chưa nêu được bản chất của trộm cắp tài sản là hành vi chiếm đoạt mà chỉ cho rằng việc chiếm đoạt tài sản là mục đích của thủ đoạn lén lút.

Theo Từ điển tiếng Việt, “trộm cắp” là “trộm và lấy cắp của cải nói chung”; trong đó, “trộm” là “lấy của người khác một cách lén lút, nhân lúc không ai để ý” và “cắp” là “lấy của người khác một cách lén lút, vụng trộm”.

Như vậy, việc sử dụng tính lén lút là tính chất của hành vi chiếm đoạt hay là thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt đều không sai. Tuy nhiên, việc sử dụng tính lén lút là thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt sẽ chuẩn sát hơn

và tách bạch được hành vi phạm tội với thủ đoạn phạm tội. Bên cạnh đó, hai từ “trộm” và “cắp” đều có nghĩa là lấy tài sản của người khác một cách lén lút cho nên việc tên điều luật và nội dung của Điều 138 BLHS dùng cả 02 từ “trộm” và “cắp” là trùng lặp. Ngoài ra, việc dùng thuật ngữ “trộm” hoặc “cắp” tại Điều 138 BLHS cũng không gây nhầm lẫn với bất kỳ tội nào khác (như tội cướp tài sản và cướp giết tài sản chẳng hạn) mà BLHS quy định. Tuy nhiên dùng thật ngữ trộm sẽ thông dụng hơn.

Từ các phân tích trên, tác giả mạnh dạn kiến nghị sửa đổi thuật ngữ “trộm cắp” trong tên và nội dung điều luật thành “trộm” và bổ sung vào Điều 138 BLHS khái niệm của tội phạm như sau:

“Điều 138. Tội trộm tài sản

Người nào chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì ...”.

### *3.2.1.2. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn đối với tội trộm cắp tài sản*

Về dấu hiệu hành vi, hiện nay các dấu hiệu hành vi mặc dù đã được quy định trong Bộ luật hình sự đó là dấu hiệu hành vi lén lút nhưng cũng xuất phát từ thực tế nhiều trường hợp khó xác định dấu hiệu. Ví dụ như hành vi ăn trộm chó, hiện nay khó có thể xác định được trường hợp nào người chủ tài sản dẫn chó đi dạo nhưng không cần xích và đâu là chó thả rông. Có trường hợp có thể coi là công nhiên chiếm đoạt tài sản nhưng có trường hợp phạm tội trộm cắp tài sản nếu xác định con vật đó là chạy rông... Bởi cùng một hành vi có thể bị xử lý khác nhau. Có trường hợp sẽ là cướp tài sản, có trường hợp là công nhiên chiếm đoạt tài sản...

Hiện nay, việc áp dụng hướng dẫn tình tiết “hành hung để tẩu thoát” và chuyển hóa từ tội trộm cắp tài sản sang tội cướp tài sản:

Theo quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 thì:

“6. Khi áp dụng tình tiết "hành hung để tẩu thoát" (điểm đ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 137; điểm đ khoản 2 Điều 138 BLHS) cần chú ý:

6.1. Phạm tội thuộc trường hợp "hành hung để tẩu thoát" là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô ngã... nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là "hành hung để tẩu thoát" mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản”.

Quy định này nhằm xử lý hành vi của người phạm tội cố ý giữ tài sản chiếm đoạt mặc dù đã bị phát hiện và giữ lại tài sản. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định này có một số vướng mắc như sau:

Một là, trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản thì khoảng thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại là bao lâu? Trường hợp người phạm tội đã bỏ đi vài giờ thì mới bị phát hiện, có được xem xét, áp dụng tính tiết này không? Tác giả cho rằng, chỉ áp dụng các quy định tại mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 khi thời gian từ khi chiếm đoạt được đến khi bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không được kéo dài, bởi vì khi



đó, tội phạm đã hoàn thành và hành vi chống trả của người phạm tội đối với việc bị phát hiện, bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ hoặc bị giành lại không còn ý nghĩa. Do đó, đề xuất một trong hai cách sau: (1) thay cụm từ “đã chiếm đoạt được tài sản” bằng cụm từ “ngay sau khi chiếm đoạt tài sản” hoặc là (2) bỏ hẳn cụm từ “đã chiếm đoạt được tài sản” để tránh gây khó khăn trong việc áp dụng.

Hai là, quy định tại tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó hiểu bởi vì sau khi chiếm đoạt được tài sản thì người phạm tội bị giành lại tài sản thì trong trường hợp này người phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm “giữ cho được tài sản chiếm đoạt được và tẩu thoát” chứ không phải “chiếm đoạt cho được tài sản” vì hành vi chiếm đoạt đã thực hiện xong. Hơn nữa, việc sử dụng thuật ngữ “tiếp tục” dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc cũng chưa phù hợp bởi vì trong tội trộm cắp tài sản thì người phạm tội không có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nên việc người phạm tội bị bắt giữ mà dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực chỉ mới lần đầu chứ không phải lần thứ hai.

Ba là, quy định của tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 gây khó khăn cho việc vận dụng. Chúng ta thấy rằng, việc chia mục 6 thành tiểu mục 6.1 và tiểu mục 6.2 thực chất là để phân biệt trường hợp người phạm tội vì sợ bị bắt giữ nên “bỏ của chạy lấy người” với trường hợp người phạm tội ngoan cố, cố tình chống trả nhằm giữ cho được tài sản mà mình chiếm đoạt được. Thực tiễn chỉ ra rằng, cả trường hợp tẩu thoát và cố giữ tài sản để tẩu thoát thì người phạm tội có thể dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc. Cho nên, việc quy định có những hành vi chống trả... như đánh, chém, bắn, xô ngã... (tiểu mục 6.1) và dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc (tiểu mục 6.2) thực chất đều là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực.

Để khắc phục các vướng mắc bên trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung mục 6 Phần I Thông tư liên tịch số 02 như sau:

“6.1. Phạm tội thuộc trường hợp “hành hung để tẩu thoát” là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây nhằm tẩu thoát.

6.2. Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm giữ cho được tài sản chiếm đoạt được và tẩu thoát thì trường hợp này không phải là “hành hung để tẩu thoát” mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản”. Hoặc bỏ hẳn cụm từ “hoặc ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản” trong 02 tiểu mục này.

Đối với quy định hướng dẫn tình tiết gây hậu nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng: qua thực tế định tội danh trên địa bàn huyện Thường Tín thời gian qua, hướng dẫn này là một trong những nội dung gây khó khăn khiến chính các cơ quan tiến hành tố tụng không mấy khi áp dụng vì khó khăn trong việc định tội danh vì rất khó xác định trường hợp nào là rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng.

Cụ thể, mục 4 Phần I Thông tư liên tịch số 02 hướng dẫn như sau, trong trường hợp tài sản bị lén lút chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nếu gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì cũng chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 138 BLHS, nếu không có tình tiết định khung hình phạt khác. Tác giả cho rằng, hướng dẫn này chưa phù hợp bởi lẽ, tiểu mục 3.4 mục 3 Phần I Thông tư liên tịch số 02 hướng dẫn các trường hợp “gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 (trường hợp tài sản chiếm

đoạt dưới mức định lượng) và điểm g khoản 2 Điều 138; “gây hậu quả rất nghiêm trọng” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 138 và “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 138. Theo đó, mức độ hậu quả cho hành vi phạm tội tăng lên rất đáng kể theo mức độ là “nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng” hoặc “đặc biệt nghiêm trọng”. Chẳng hạn, nếu lấy thiệt hại về tính mạng thì thiệt hại lần lượt là làm chết 01 người, làm chết 02 người và làm chết 03 người trở lên. Tuy nhiên, các mức thiệt hại đều được đánh đồng bằng nhau khi tài sản chiếm đoạt dưới mức định lượng.

Để khắc phục hạn chế này, tác giả kiến nghị bổ hướng dẫn tại mục 4 Phần I Thông tư liên tịch số 02 và bổ sung vào khoản 3 Điều 138 điểm c có nội dung như sau: “c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới hai trăm triệu đồng nhưng gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” và bổ sung vào khoản 2 Điều 138 điểm c có nội dung như sau: “c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới năm mươi triệu đồng nhưng gây hậu quả rất nghiêm trọng”.

Đồng thời theo tác giả cũng nhất trí với phương án cho rằng không nên quy định bằng số tiền cụ thể trong khung hình phạt mà có thể dùng một số lần mức lương tối thiểu của cán bộ, công chức làm tiêu chuẩn để đảm bảo tương đối ổn định, tránh sự biến động của giá trị đồng tiền.[6]

### ***3.3.2. Bổ sung quy định mới đối với tội trộm cắp tài sản***

Như đã trình bày trong phần tiểu kết của Chương 2, Tội trộm cắp tài sản là một trong những tội thuộc Chương các tội phạm xâm phạm sở hữu. Chính vì vậy, một trong những hướng sửa đổi hiện nay của nhiều quốc gia trên thế giới đó là xây dựng các khung hình phạt tiền giảm bớt các hình phạt tù đối với các tội phạm về sở hữu.

Qua quá trình nghiên cứu thực tiễn tác giả thấy rằng việc chỉ áp dụng dụng hình phạt tù là hình phạt chính đối với các tội xâm hại sở hữu nói chung và tội trộm cắp tài sản nói riêng thực sự gây ra những lãng phí cho ngân sách

và cho xã hội. Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã ủng hộ quan điểm chấp hành cả hình phạt tù tại gia. Cho nên việc sửa đổi các điều luật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn làm giảm chi phí xã hội trong việc nuôi dưỡng tù nhân là hết sức cần thiết.

### **3.4. Các giải pháp khác**

#### ***3.4.1. Đối với hoạt động phòng ngừa tội trộm cắp tài sản***

Để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tội trộm cắp tài sản tác giả kiến nghị một số biện pháp sau đây:

Tăng cường các biện pháp tuyên truyền giáo dục, xây dựng thể trận an ninh nhân dân ở cơ sở để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn. Lực lượng Công an xã, phường và Cảnh sát khu vực cần tiếp tục tuyên truyền và hướng dẫn cho nhân dân biết về tình hình trộm cắp cũng như phương thức, thủ đoạn mà bọn tội phạm thường sử dụng để đột nhập trộm cắp tài sản. Đồng thời tuyên truyền người dân nâng cao ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản của mình và gia đình.

Bên cạnh đó, phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ phải được tiến hành thường xuyên ở mọi nơi, mọi lúc, bằng cách thông qua các tổ chức an ninh thôn, xóm, tổ dân phố, thành lập tổ tự quản trong từng thôn xóm, khối phố để tích cực tố giác tội phạm, cảnh giác với các phần tử nghi vấn, tích cực truy bắt kẻ phạm tội khi có tội phạm xảy ra. Các cấp chính quyền cần có hình thức khen thưởng xứng đáng những quần chúng tích cực...

Thứ hai, tăng cường tuần tra, kiểm soát hành chính công khai trong phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn, đặc biệt các khu vực đô thị trên địa bàn nơi có tình hình an ninh trật tự phức tạp con người việc ai lấy làm, không quan tâm nhiều tới những người xung quanh. Công an phường cần duy trì tốt công tác tuần tra kiểm soát; phải coi đây là một trong những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhất trong việc đấu

tranh phòng chống tội phạm nói chung. Bởi vì, đặc trưng của hành vi trộm cắp là lén lút, kẻ phạm tội thường lợi dụng sơ hở của chủ tài sản để chiếm đoạt. Chính vì vậy, việc tuân tra kiểm soát công khai của Công an xã, phường sẽ có tác dụng răn đe làm cho kẻ phạm tội từ bỏ ý định phạm tội. Đối với những hộ gia đình, cá nhân mở cửa hàng kinh doanh, cần gắn trách nhiệm của họ trong việc bảo vệ tài sản của khách hàng, đặc biệt là những phương tiện đi lại như xe máy...

Về một số công tác nghiệp vụ cơ bản, cần tập trung một số vấn đề sau:

- Làm tốt công tác sưu tra quản lý đối tượng có nhiều khả năng gây ra các vụ án trộm cắp tài sản.

- Tăng cường cán bộ chuyên trách có điều kiện theo dõi sát sao từng đối tượng, tránh tình trạng một trình sát phải quản lý quá nhiều đối tượng dẫn đến không thể nắm bắt được mọi di biến động của đối tượng. Việc lập hồ sơ đối với từng đối tượng cần cụ thể, chi tiết hơn; thường xuyên củng cố, bổ sung tài liệu vào hồ sơ để thanh lọc các đối tượng không cần thiết sưu tra, đồng thời có sự phân hệ, loại cụ thể để việc sưu tra có trọng tâm, trọng điểm. Đối với những đối tượng có dấu hiệu nghi vấn tụ tập thành băng, nhóm hoạt động trộm cắp, ngoài việc quản lý con người, có thể lên sơ đồ các nhóm đối tượng rồi tiến hành quản lý.

- Củng cố, xây dựng mạng lưới cơ sở bí mật, đặc tình đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, chú ý xây dựng những cơ sở có khả năng thâm nhập vào băng, nhóm tội phạm, có khả năng quán xuyên địa bàn, quản lý chặt chẽ đối tượng phục vụ tốt công tác phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn.

Thứ ba, tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ

+ Tăng cường công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý tạm trú, tạm vắng, đặc biệt là tăng cường công tác kiểm tra đối với các địa bàn có

nhieu khách sạn, nhà nghỉ. Thông qua công tác này, cán bộ chiến sĩ Công an xã, phường nắm vững số lượng cũng như những biến động về tình hình nhân khẩu trên địa bàn mình phụ trách, từ đó phát hiện ra những đối tượng nghi vấn, đối tượng có lệnh truy nã... từ đó kịp thời đề ra những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu. Mặt khác, chính từ công tác này, Công an cơ sở kịp thời thông báo cho những hộ dân những sơ hở thiếu sót để từ đó nâng cao ý thức cảnh giác phòng ngừa tội phạm.

+ Thực hiện tốt công tác tuần tra kiểm soát, đặc biệt là tăng cường vào các ngày lễ và ngày cuối tuần.

+ Tiến hành đồng bộ công tác sưu tra, xác minh hiềm nghi, xây dựng mạng lưới bí mật đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra.

#### ***3.4.2. Đối với hoạt động điều tra***

Trong hoạt động điều tra cần phối hợp với các lực lượng cơ sở trên địa bàn để huy động khả năng của họ tham gia phát hiện tội phạm là hết sức cần thiết. Vì những người này trực tiếp quản lý địa bàn, quản lý con người cụ thể nên họ hiểu từng con người trong địa bàn cũng như di biến động của người phạm tội; thông qua họ chúng ta có thể nắm được những thông tin có giá trị về vụ án. Từ đó phối hợp rà soát toàn bộ số đối tượng hình sự ở địa phương nhằm tìm đối tượng "nổi", xác định tính phức tạp của địa bàn, các vụ án trộm cắp xảy ra chưa giải quyết được, mối liên quan giữa các vụ án với nhau để thống nhất đánh giá, nhận định đối tượng liên quan đến vụ án.

- Xác định những người biết được sự việc có liên quan đến vụ án, để phát hiện người làm chứng và yêu cầu họ cung cấp những thông tin về tội phạm...

- Phân tích nhận định về đối tượng, hướng ẩn náu, cất giấu, tiêu thụ tài sản trộm cắp được phối hợp với điều tra viên tiến hành điều tra đưa ra các giả thuyết điều tra vụ án.

- Làm tốt công tác sơ vấn lấy lời khai người làm chứng.

### **3.4.3. Trong định tội danh**

Qua nghiên cứu cũng như thực tế định tội danh đối với tội trộm cắp tài sản như đã trình bày, tác giả thấy rằng đối với các điều khoản có tính trừu tượng cao các cơ quan tiến hành tố tụng thường ít áp dụng trong việc định tội danh. Điều này nó xuất phát từ 2 nguyên nhân, một là do chính các yếu tố cấu thành chưa đủ nhưng mặt khác có thể thấy rằng về năng lực chuyên môn các chủ thể định tội danh cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc xác định các yếu tố cấu thành của điều luật nếu không có năng lực chuyên môn tốt. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng định tội danh thì tác giả cho rằng cần phải nâng cao chất lượng những người tiến hành tố tụng để đảm bảo có thể phân tích điều luật một cách thấu đáo nhằm định tội danh một cách chính xác.

Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Tòa án nhân dân tối cao đã ra Nghị quyết về áp dụng án lệ thì việc nâng cao trình độ của những người tiến hành tố tụng càng được đặt ra một cách cấp thiết nhằm xây dựng được đội ngũ những người tiến hành tố tụng am hiểu pháp luật, tránh oan, sai đáng tiếc như nhiều trường hợp trong thời gian qua.

### **3.4.4. Tăng cường tổng kết thực tiễn xử lý tội trộm cắp tài sản**

Đối với Tòa án nhân dân, việc áp dụng chính xác và thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án nói chung và các vụ án về trộm cắp tài sản nói riêng có vai trò rất quan trọng. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể chỉ ra nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để có kiến nghị xác đáng. Vì vậy, Tòa án các cấp cần làm tốt chức năng, nhiệm vụ xét xử đối với những vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản và thực hiện một số biện pháp sau đây:

Thứ nhất, cần tổng kết, tổ chức hội nghị chuyên đề hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong công tác xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, chú ý những căn cứ cụ thể để quyết định hình phạt, nguyên tắc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, bảo đảm việc xét xử các vụ án có người phạm tội trộm cắp tài sản được nghiêm chỉnh, đúng pháp luật.

Thứ hai, Tòa án nhân dân các địa phương cần phối hợp với cơ quan điều tra, Viện kiểm sát rà soát lại toàn bộ những vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản thuộc thẩm quyền xét xử của cấp mình. Trên cơ sở tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà có hình thức xử phạt nghiêm minh theo đúng pháp luật, công bố kết quả xét xử trên các phương tiện truyền thông đại chúng để tác động răn đe, giáo dục cũng như hỗ trợ quần chúng nhân dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm. Nghiên cứu xử một số vụ án điển hình có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản có liên quan đến an ninh quốc gia, tội giết người và những tội đặc biệt nghiêm trọng khác để giáo dục, phòng ngừa chung.

Thứ ba, phát hiện những sơ hở, thiếu sót hoặc là những hành vi vi phạm khác có liên quan đến việc phạm tội trộm cắp tài sản là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Trên cơ sở đó, Tòa án kiến nghị các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm theo quy định tại Điều 225 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Đây là vấn đề lâu nay rất ít được Tòa án chú ý.

Thứ tư, hiệu lực và hiệu quả việc xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là ở khâu thi hành án. Trong thời gian tới, Tòa án các cấp cần rà soát lại những bản án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, đã có hiệu lực pháp luật, chưa thi hành án. Phải ra ngay quyết định thi hành án theo đúng quy định tại Điều 256 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

Để thực hiện tốt các giải pháp nói trên, Tòa án các cấp cần tranh thủ



sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là sự lãnh đạo của Tòa án nhân dân tối cao, sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp. Tòa án các cấp cần xây dựng cho mình ý thức thực sự cầu thị, mong muốn sự giúp đỡ và tạo điều kiện vật chất, tinh thần của chính quyền và các ngành hữu quan, nhất là các cơ quan thông tin đại chúng, nhằm giúp cho hoạt động xét xử các vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản được tuyên truyền kịp thời, sâu rộng, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền giám sát hoạt động của Tòa án.

Đối với Viện kiểm sát, với chức năng kiểm sát hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến Pháp và pháp luật (Điều 1 luật tổ chức Việc kiểm sát nhân dân), góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, Viện kiểm sát nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tài sản. Cùng với việc làm tốt các chức năng kiểm sát và tuân theo pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất, Viện kiểm sát các cấp cần kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bảo đảm việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản, có căn cứ đúng pháp luật; thực hiện việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Công tác nắm tình hình tội phạm, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, cần được Viện kiểm sát các cấp quan tâm đúng mức.

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh, chống tội trộm cắp tài sản, ngành kiểm sát cần tiến hành công tác sau:

Thứ nhất, cần làm tốt công tác quản lý, xử lý thông tin về tội trộm cắp tài sản; cơ quan Công an, Tòa án thông tin kịp thời các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản cho Viện kiểm sát.

Thứ hai, Viện kiểm sát ở hai cấp cần trú trọng kiểm sát hoạt động điều

tra các vụ án có bị can phạm tội trộm cắp tài sản; chú trọng kiểm sát xét xử các vụ án này, bố trí kiểm sát viên có năng lực trực tiếp nghiên cứu và thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Việc thực hành quyền công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội, kiến nghị và xử lý kịp thời những sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác. Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, tạm giữ, tạm giam về tội trộm cắp tài sản thuộc phạm vi thẩm quyền của mình.

Thứ ba, Viện kiểm sát các cấp cần phối hợp chặt chẽ với Công an, Tòa án đưa một số vụ án có bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản xét xử lưu động tại trường học, cụm dân cư, cơ quan... để nâng cao giáo dục cho nhân dân, động viên nhân dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm. Những vụ án có mức hình phạt tuyên không đúng so với quy định của pháp luật đối với người phạm tội trộm cắp tài sản, cần được Viện kiểm sát kháng nghị theo luật định.

Để thực hiện tốt các giải pháp trên, Viện kiểm sát các cấp cần chú trọng công tác xây dựng ngành trong sạch, vững mạnh, từng bước kiện toàn củng cố tổ chức, rèn luyện, giáo dục phẩm chất đạo đức người cán bộ kiểm sát. Ngành kiểm sát cần tiếp tục xây dựng, đổi mới và thực hiện nề nếp làm việc chính quy, khoa học, hiện đại, trong đó chú ý chỉ đạo việc kiểm sát hoạt động tư pháp đối với các vụ án có bị can, bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản được nhanh chóng, chính xác, đúng pháp luật. Kiên quyết xử lý những cán bộ kiểm sát vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống, để ngành Kiểm sát thực

sự được nhân dân tin yêu, kính trọng.

#### **3.4.5. Nâng cao trình độ, đạo đức của cán bộ**

Đối với bất cứ công việc nào sử dụng yếu tố con người thì chất lượng xử lý công việc đều phải dựa vào trình độ, đạo đức của người thực hiện. Trong xử lý tội phạm hình sự nói chung và xử lý tội phạm tội trộm cắp tài sản nói riêng cũng phụ thuộc rất lớn vào năng lực của các cán bộ pháp luật, mà ở đây chủ yếu là những người tiến hành tố tụng. Kể cả với những quy phạm pháp luật hình sự thể hiện trình độ pháp lý cao, nhưng nếu các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự là những người thiếu năng lực hoặc yếu kém trong việc vận dụng các quy phạm này vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn, thì việc các vụ án hình sự được giải quyết chậm chạp, thiếu chính xác hoặc thậm chí là oan sai là hoàn toàn có thể xảy ra. Trình độ, năng lực của những chủ thể áp dụng pháp luật càng yếu kém thì khả năng chậm chạp hoặc sai lầm trong giải quyết vụ án hình sự càng cao. Vì vậy để đảm bảo cho công tác giải quyết các vụ án phạm tội trộm cắp tài sản luôn đạt chất lượng cao, xử lý nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì đội ngũ những người THPTT luôn phải có được năng lực cao. Việc không ngừng nâng cao năng lực của những người THPTT luôn là đòi hỏi mang tính liên tục. Để việc tra cứu, nâng cao năng lực của những người THPTT đạt được hiệu quả cao cần phải làm tốt được những vấn đề sau:

- Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn, các khóa đào tạo nhằm nâng trình độ chuyên môn của những người THPTT. Đây là hoạt động quan trọng nhất trong việc tra cứu và nâng cao năng lực của những người THPTT. Trình độ chuyên môn của người THPTT là yếu tố quan trọng nhất đồng thời là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của công tác xử lý tội phạm, giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Kể cả với một hệ thống quy phạm pháp luật tiên tiến, nếu trình độ chuyên môn của những người THPTT

kém cỏi sẽ không thể giải quyết đúng được các vụ án hình sự. Điều này dẫn tới không đạt được hiệu quả trong việc xử lý tội phạm cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Các chương trình tập huấn hoặc các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tự xây dựng và mở ra bao gồm các khóa đào tạo, chương trình tập huấn chuyên môn của riêng các ngành, hoặc các chương trình tập huấn, đào tạo phối hợp giữa các cơ quan liên ngành; hoặc là các hoạt động trong khuôn khổ các dự án hợp tác giữa các cơ quan tư pháp trong nước với các cơ quan tư pháp quốc tế hoặc các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ nhằm hướng tới huấn luyện, đào tạo chuyên sâu các cán bộ pháp luật về một hoặc một số lĩnh vực cụ thể trong tư pháp hình sự. Việc xây dựng và triển khai các dự án, chương trình tập huấn, đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần phải được thực hiện thường xuyên ở tất cả các ngành trong lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là các ngành Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Công an nhân dân.

- Tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật. Người cán bộ pháp luật nói chung và những người THPT nói riêng bên cạnh giỏi về trình độ chuyên môn còn phải là người có “đức”, thể hiện qua đạo đức nghề nghiệp. Những người THPT là những người làm việc theo pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật, tuyệt đối không để các yếu tố vật chất hay tinh thần từ bên ngoài tác động làm ảnh hưởng tới quá trình cân nhắc và giải quyết vụ án hình sự. Có như vậy việc giải quyết các vụ án hình sự mới được công tâm, thượng tôn pháp luật. Bên cạnh việc tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật, các cơ quan tư pháp nói chung và các cơ quan THPT còn phải xây dựng được bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên ngành mình để làm tiêu chuẩn mẫu và bắt buộc mọi người phải tuân theo. Người cán bộ pháp luật bên cạnh việc có đạo đức trong thực hiện công

tác chuyên môn còn phải có đạo đức với nhân dân, tận tình chỉ bảo và hướng dẫn nhân dân; tuyệt đối không được có thái độ cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu hoặc tham ô. Hoạt động tuyên truyền và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật chỉ thực sự có ý nghĩa nếu những người cán bộ pháp luật đó vừa biết tiếp thu các đường lối giáo dục đạo đức của cơ quan pháp luật, vừa tự có ý thức rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho bản thân.

- Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc giải quyết sai các vụ án hình sự xuất phát từ chính sai phạm của người THPT. Sai phạm của người THPT có thể xuất phát từ trình độ yếu kém của người THPT, nhưng cũng có rất nhiều trường hợp những người THPT thừa biết mình đang làm sai các quy định của pháp luật nhưng vẫn bắt chấp làm vì để mưu cầu lợi ích cá nhân hoặc xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan khác của người THPT. Nhưng dù xuất phát từ nguyên nhân nào, việc để xảy ra các sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự không những làm mất thời gian của cơ quan THPT khi phải giải quyết vụ án lại từ đầu mà còn làm mất uy tín của cơ quan THPT và mất lòng tin của nhân dân về hoạt động của các cơ quan THPT. Vì vậy, các sai phạm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cần thiết phải có một chế tài xử phạt thích đáng. Các cơ quan quản lý người THPT phải nghiêm túc xử lý đối với các trường hợp sai phạm của cán bộ cơ quan mình trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự với nguyên tắc: sai phạm đến đâu xử lý nghiêm đến đó, tuyệt đối không dung túng, bao che cho các sai phạm đó, trong trường hợp nếu phát hiện thấy có dấu hiệu của tội phạm hình sự phải nghiêm túc điều tra và xử lý hình sự đối với cá nhân thực hiện hoặc tiếp tay cho các sai phạm đó. Việc xử lý các sai phạm của cán bộ pháp luật được thực hiện bằng nhiều cách thức tùy thuộc vào mức độ sai phạm của cán bộ đó như: khiển trách, cảnh cáo, kỷ luật, điều chuyển công tác, buộc thôi việc hoặc thôi giữ chức vụ và không loại trừ khả năng phải xử lý hình sự nếu thấy cần

thiết... Nói chung, dù với bất kỳ cách thức xử lý nào cũng phải phù hợp với tính chất của sai phạm và thể hiện sự nghiêm minh của cơ quan quản lý cán bộ đó. Việc đưa ra các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các sai phạm của người THPT cũng góp phần nhằm nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật.

- Mọi hoạt động tác động bên ngoài nhằm nâng cao năng lực của các cán bộ pháp luật như đã nêu trên sẽ không thể đạt được mục đích đó nếu bản thân các cán bộ pháp luật (mà chủ yếu là những người THPT) không có ý thức tuân thủ. Ý thức trách nhiệm của người THPT có mối quan hệ nhân quả mật thiết tới năng lực của người THPT. Người có ý thức trách nhiệm cao trong công việc là người sẽ không muốn để xảy ra sai lầm trong công việc của mình, do vậy sẽ phải tự nâng cao năng lực của bản thân nhằm tránh gặp phải những sai lầm này. Việc tự nâng cao năng lực của bản thân các cán bộ pháp luật – trên cơ sở được Nhà nước trang bị đầy đủ những kiến thức và trình độ, năng lực cơ bản trong việc giải quyết các quan hệ pháp luật hình sự - là hoạt động riêng của mỗi cá nhân, phụ thuộc vào ý thức của mỗi cá nhân người cán bộ pháp luật, thường được diễn ra bằng các cách thức sau:

+ Luôn có ý thức tự rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn của mình bằng cách nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành phục vụ cho công việc, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự mới nhất. Bên cạnh đó còn thường xuyên trao đổi những vướng mắc hoặc các vấn đề có liên quan trong công việc với những người làm công tác pháp luật khác. Việc trao đổi không chỉ nhằm tìm cách giải đáp, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình giải quyết công việc của mình mà còn là hoạt động chia sẻ kinh nghiệm của bản thân nhằm giải quyết các vấn đề khó khăn trong công việc của đồng nghiệp, các cán bộ pháp luật khác, hoặc là hoạt động đánh giá và đưa ra cách giải quyết chung đối với

những vụ việc thu hút sự chú ý của bản thân và của cán bộ pháp luật khác để làm kinh nghiệm cho bản thân khi giải quyết những vụ việc sau này.

+ Không ngừng hoàn thiện tác phong và đạo đức nghề nghiệp của bản thân, tận tình với nhân dân và đồng nghiệp, lắng nghe ý kiến và chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực và các hoạt động cũng như các nhận thức sai lầm của những người THTT hoặc của cơ quan THTT.

+ Thực hiện lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần trách nhiệm, cần kiệm liêm chính.

### **Kết luận chương 3**

Qua thực tiễn nghiên cứu tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội tác giả thấy rằng đối với pháp luật hình sự Việt Nam về tội trộm cắp tài sản nói riêng và các tội phạm nói chung nhiều điều khoản vẫn quy định khá chung chung và cần đến rất nhiều văn bản hướng dẫn áp dụng. Chính vì vậy, trong thời gian tới hi vọng với việc hoàn thiện các quy định trong pháp luật hình sự 2015 thì việc ban hành các văn bản hướng dẫn sẽ cần được hạn chế một cách tối đa. Bởi điều này cũng không khác gì thực trạng các Nghị định, Thông tư hướng dẫn luật đang được ban hành tràn lan ở nước ta trong các ngành luật vừa qua. Nếu chúng ta làm được như vậy mới đáp ứng được yêu cầu của quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

Đối với bất kỳ tội danh nào, việc có được các khái niệm là hết sức cần thiết để giúp cho những người định tội danh có được căn cứ xác định tội danh một cách chính xác và thống nhất.

Đối với những người tiên hành tổ tụng việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết khi chúng ta đang bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.



## KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài: “Tội trộm cắp tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội”. Tác giả thấy rằng trong quá trình phát triển các chế định của tội trộm cắp tài sản ở Việt Nam hiện nay các quy định này ngày càng được hoàn thiện và đáp ứng các yêu cầu của nhà nước pháp quyền. Việc các quy định pháp luật ban đầu được ban hành có sự phân biệt, đối xử giữa các thành phần sở hữu trong giai đoạn đầu đã được khắc phục và hoàn thiện. Điều này chứng tỏ nhà nước đã quan tâm hơn đến sự bình đẳng của các thành phần sở hữu.

Về việc xóa bỏ án tử hình đối với tội trộm cắp tài sản là một trong những bước tiến của pháp luật hình sự nước ta khi ngày càng tiếp cận các giá trị pháp lý hiện đại và nhân văn. Bởi hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã tiến hành xóa bỏ án tử hình, đặc biệt là án tử hình trong các tội phạm kinh tế ở các quốc gia phát triển là hầu như không còn. Điều này phản ánh xu thế tiến bộ của pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Đối với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp nước ta, trong thời gian vừa qua chúng ta đã mạnh dạn đổi mới hệ thống cơ quan Tòa án. Tuy nhiên, một trong những điểm quan trọng trong hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng là cơ quan điều tra, đây mới là nội dung quan trọng nhất cần đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan này nhằm đảm bảo quyền lợi của những bị can, bị cáo và tránh oan sai. Vấn đề đặt ra là, trong suốt thời gian qua hoạt động của cơ quan điều tra luôn độc lập và thiếu sự kiểm soát từ phía xã hội cũng như của các thiết chế khác.

Về xây dựng hình phạt, theo quan điểm của tác giả do tội trộm cắp tài sản là một trong những tội xâm phạm sở hữu. Chính vì vậy, trong thời gian tới chúng ta cũng mạnh dạn nên đưa các tội phạm về xâm phạm sở hữu những

khung hình phạt chính bằng tiền để làm giảm bớt gánh nặng tài chính cho nhà nước và cũng khiến cho người phạm tội có điều kiện tự cải tạo và có những cơ hội để hòa nhập với cuộc sống cộng đồng và tự kiếm tiền trang trải cho chính cuộc sống của họ.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp, Số chuyên đề về Luật hình sự của một số nước trên thế giới, Tạp chí dân chủ và pháp luật năm 1999, Tr 91.
2. Phạm Văn Beo, 2010, Luật Hình sự Việt Nam, quyển 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.221.
3. Nguyễn Mai Bộ, 2010, Các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.53-54.
4. Trần Mạnh Hà, Định tội danh tội “Trộm cắp tài sản” qua một số dấu hiệu đặc trưng, Tạp chí Nghề luật số 5/2006.
5. Nguyễn Thị Xuân Ngọc, Nguyễn Văn Thông cùng đồng bọn phạm tội gì? Tạp chí Kiểm sát số 9, tháng 5/2011.
6. Dương Ngọc Ngưu, Giới thiệu về Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS, Kỷ yếu Hội thảo khoa học do Ủy ban Tư pháp Quốc hội tổ chức, TP HCM 20-21/3/2009, Tr 5.
7. Cao Thị Oanh (2007), “Hoàn thiện những quy định về trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội”, Tạp chí luật học 10/2007.
8. Pháp lệnh số 149 – LTC, ngày 21 tháng 10 năm 1970.
9. Pháp lệnh số 150 – LTC, ngày 21 tháng 10 năm 1970.
10. Đinh Văn Quế- Bình luận KHBLHS phần các tội phạm, Tập 2- NXB TPHCM-2002.
11. Quốc hội, Bộ luật hình sự năm 1985.
12. Quốc hội Bộ luật hình sự năm 1999.
13. Quốc hội Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
14. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003.
15. Sắc lệnh số 12 – SL, ngày 12 tháng 3 năm 1948.
16. Sắc lệnh số: 47-SL, ngày 10/10/1946.
17. Sắc lệnh số: 267-SL, ngày 15/6/1958.

18. Thông tư liên tịch 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001.
19. Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, bản án số: 46/2015/HSST, ngày 7/7/2015.
20. Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, bản án số: 39/2015/HSST, ngày 11/6/2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập I, NXb. CAND, Hà Nội, 2005.
22. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, tập II, NXb. CAND, Hà Nội, 2005.
23. Viện ngôn ngữ học, Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Đà Nẵng, 2005.
24. Trương Quang Vinh, Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt Luật lệ, Nxb. Tư pháp 2008.
25. Võ Khánh Vinh, Giáo trình lý luận chung về định tội danh, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013.
26. Võ Khánh Vinh, Luật Hình sự Việt Nam phần chung, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014.
27. Võ Khánh Vinh, Về khái niệm chiếm đoạt tài sản XHCN và tài sản của công dân theo luật hình sự VN, Tạp chí Luật học số 3 năm 1986, trang 69 (19).
28. Nguyễn Như Ý, Đỗ Xuân Việt, Phan Xuân Thành, 2006, Từ điển tiếng Việt căn bản, Nxb. Thanh Niên, tr.377.
29. <http://vietnamnet.vn/vn/phap-luat/ho-so-vu-an/317476/bi-dam-chet-hi-giang-co-voi-2-ke-trom-cho.html>
30. <http://thanhvien.vn/thoi-su/trau-dien-quay-tung-lam-truong-20771.html>
31. <http://www.csnd.vn/Home/Nghien-cuu-Trao-doi/1808/GIAI-PHAP-NANG-CAO-HOAT-DONG-PHONG-NGUA-VA-DIEU-TRA-BAN-DAU-CUA-CONG-AN-CAP-PHUONG-DOI-VOI-TOI-TROM-CAP-TAI-SAN->

TAI-CAC-KHU-DAN-CU-CAO-TANG-TREN-DIA-BAN-THANH-PHO-  
HA-NOI

32. <http://www.baomoi.com/Trom-cap-tai-san-cua-minh-co-pham-toi-khong/104/6802401.epi>

33. <http://www.baomoi.com/Nguoi-lam-cong-lay-tai-san-cua-chu-toi-gi-moi-dung/58/8029022.epi>